

Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN

về bảo đảm chất lượng và công nhận các hệ
thống chứng nhận năng lực



Một tầm nhìn
Một bản sắc
Một cộng đồng



Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN về bảo đảm chất lượng và công nhận các hệ thống chứng nhận năng lực



Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1967. Các quốc gia thành viên bao gồm Bru-nây, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xia, Lào, Ma-lay-xia, Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po, Thái Lan và Việt Nam. Ban Thư ký ASEAN có trụ sở tại Jakarta, In-đô-nê-xia.

Nếu có yêu cầu, vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký ASEAN

Ban quan hệ cộng đồng (CRD) 70A

Jalan Sisingamangaraja

Jakarta 12110

In-đô-nê-xia

Điện thoại : (62 21) 724-3372, 726-2991

Fax : (62 21) 739-8234, 724-3504

E-mail : public@asean.org

Dữ liệu xuất bản Catalogue

Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN về bảo đảm chất lượng và công nhận các hệ thống chứng nhận năng lực
Jakarta, Ban Thư ký ASEAN, tháng 8 năm 2016

331.114

ASEAN - Tiêu chuẩn - Trình độ chuyên môn

nguồn nhân lực - Kỹ năng - Hướng dẫn

ISBN 978-602-5798-91-7



ASEAN: Một cộng đồng của những cơ hội

Có thể tự do trích dẫn hoặc in lại nội dung trong ấn phẩm này với điều kiện có phần thừa nhận phù hợp và gửi một bản sao tài liệu in lại đến Ban quan hệ cộng đồng (CRD) của Ban Thư ký ASEAN, Jakarta.

[Thông tin chung về ASEAN được đăng trực tuyến trên trang web ASEAN: www.asean.org](http://www.asean.org)

Bản quyền thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 2016.

Đã bảo lưu mọi quyền.

Lời cảm ơn

Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN về bảo đảm chất lượng và công nhận các hệ thống chứng nhận năng lực là một dự án nằm trong kế hoạch của Chương trình làm việc 2010-2015 của các Bộ trưởng Lao động ASEAN và được xây dựng bởi Hội nghị Quan chức Cấp cao về Lao động (SLOM) của ASEAN với sự phối hợp của Cơ quan công nhận trình độ chuyên môn In-đô-nê-xi-a (BNSP) và Bộ Nhân lực In-đô-nê-xi-a hợp tác với Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) và Ban Thư ký ASEAN. Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN này đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN (ALMM) lần thứ 24 tổ chức vào ngày 15 tháng 5 năm 2016 tại Viêng-Chăn, Lào.

Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN nhằm tạo nền tảng để xây dựng niềm tin và sự hiểu biết về các khung trình độ quốc gia và các hệ thống chứng nhận năng lực của tất cả các Quốc gia thành viên ASEAN đồng thời đưa ra những nguyên tắc và giao thức để xây dựng quy trình công nhận các hệ thống này. Quá trình xây dựng Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN có xem xét sự đồng bộ với Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN (AQRF) vì Nguyên tắc này được xây dựng nhằm mục đích bổ sung cho AQRF. Trong tương lai, việc sử dụng Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN này của các Quốc gia thành viên sẽ là tự nguyện và các quốc gia này sẽ sẵn sàng để tham chiếu các tiêu chuẩn kỹ năng với nhau trong một số ngành nghề nhất định.

Xin cảm ơn Hội nghị Quan chức Cấp cao về Lao động ASEAN của tất cả mười nước thành viên ASEAN đã chia sẻ kiến thức và hỗ trợ trong suốt quá trình soạn thảo và rà soát Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN này. Chúng tôi cũng xin được cảm ơn Chính phủ Nhật Bản đã không ngừng hỗ trợ thông qua Quỹ Hội nhập Nhật Bản-ASEAN (JAIF) để xây dựng Nguyên tắc hướng dẫn ASEAN này. Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn chuyên gia tư vấn, Bà Andrea Bateman, và điều phối viên dự án, Ông Bonardo Aldo Tobing, đã có nhiều hỗ trợ về mặt kỹ thuật.

Mục lục

Danh mục bảng	1
Viết tắt	2
Chú giải thuật ngữ chính	3
Giới thiệu	7
Phần 1: Tổng quan về các Khung trình độ quốc gia (NQF) của các Quốc gia thành viên ASEAN	9
Phần 2: Tổng quan về các Hệ thống chứng nhận năng lực của các Quốc gia thành viên ASEAN	14
Phần 3: Các khía cạnh quan trọng của bảo đảm chất lượng	25
Phần 4: Nguyên tắc hướng dẫn và giao thức bảo đảm chất lượng	35
Phần 5: Nguyên tắc hướng dẫn và giao thức công nhận Hệ thống chứng nhận năng lực giữa các Quốc gia thành viên ASEAN	42
Phần 6: Tham gia các hoạt động tham chiếu quốc gia	46
Phụ lục: Khung bảo đảm chất lượng quốc tế	51
Tham khảo	54
Các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên ASEAN	55

Danh mục bảng

Bảng 1: Tóm tắt NQF	10
Bảng 2: Tóm tắt cấu trúc NQF	11
Bảng 3: Khung trình độ quốc gia Thái Lan	16
Bảng 4: Các cấp độ kỹ năng	17
Bảng 5: Các bậc trình độ kỹ năng nghề quốc gia Việt Nam	17
Bảng 6: Định nghĩa về năng lực	19
Bảng 7: Các chỉ số chất lượng, EAS TVET QAF	52

Viết tắt

ALMM	Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN
AMS	Quốc gia thành viên ASEAN
AQRF	Khung Tham chiếu trình độ ASEAN
BNSP	Badan Nasional Sertifikasi Profesi Cơ quan công nhận trình độ chuyên môn In-đô-nê-xi-a
EAS TVET QAF	Khung Bảo đảm Chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á
HRD	Phát triển nguồn nhân lực
INQAAHE	Mạng lưới quốc tế dành cho các cơ quan bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học
MOU	Biên bản ghi nhớ
NQF	Khung trình độ quốc gia
QF	Khung trình độ
SLOM	Hội nghị quan chức cấp cao về lao động ASEAN
TVET	Giáo dục nghề nghiệp (GDNN)

Chú giải thuật ngữ chính

Các thuật ngữ chính sau đây đã được thống nhất bởi các Quốc gia thành viên ASEAN. Các thuật ngữ được đánh dấu [*] là những thuật ngữ được thống nhất cụ thể trong Khung tham chiếu trình độ ASEAN.

Thuật ngữ	Định nghĩa
Kiểm định*	Phê chuẩn chính thức các tiêu chuẩn thành tích, bao gồm các trình độ hoặc đơn vị của một trình độ, thường dùng trong một khoảng thời gian xác định, có thể đáp ứng các yêu cầu cụ thể được xác định bởi một cơ quan kiểm định.
Trình độ được kiểm định*	Những trình độ đã được cơ quan hoặc tổ chức kiểm định công nhận là đã đáp ứng các yêu cầu hoặc tiêu chuẩn chất lượng cụ thể.
Cơ quan kiểm định*	Cơ quan kiểm định là những cơ quan có thẩm quyền (như các cơ quan trình độ quốc gia, các cơ quan kiểm định quốc gia, các hội đồng đánh giá chính thức hoặc các cơ quan quốc gia được phê chuẩn khác hoặc các cơ quan có trách nhiệm công nhận bằng cấp) mà những cơ quan này quản lý chương trình và hoạt động kiểm định chất lượng trình độ theo luật pháp quốc gia. Các cơ quan kiểm định hoạt động trong một hệ thống bảo đảm chất lượng.
Tiêu chuẩn thành tích	<p>Các tuyên bố đã được phê chuẩn và chính thức hóa bởi một cơ quan có thẩm quyền, trong đó xác định các quy tắc phải tuân theo trong một bối cảnh nhất định hoặc xác định các kết quả phải đạt được.</p> <p>Có thể phân biệt giữa các tiêu chuẩn về năng lực, giáo dục, nghề nghiệp hoặc chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none">• Tiêu chuẩn năng lực đề cập kiến thức, kỹ năng và/hoặc các năng lực liên quan đến khả năng thực hành một công việc• Tiêu chuẩn giáo dục đề cập mục tiêu học tập, nội dung của chương trình giảng dạy, yêu cầu đầu vào và nguồn lực cần thiết để đáp ứng các mục tiêu học tập• Tiêu chuẩn đánh giá đề cập các chuẩn đầu ra sẽ được đánh giá và phương pháp luận được sử dụng• Tiêu chuẩn nghề nghiệp đề cập các hoạt động và nhiệm vụ liên quan đến một công việc cụ thể và thực tiễn của nó, và• Tiêu chuẩn chứng nhận đề cập quy tắc áp dụng để nhận được bằng cấp (ví dụ như chứng chỉ hoặc văn bằng) cũng như các quyền được trao kèm theo.¹
Khung tham chiếu trình độ ASEAN*	Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN là một khung tham chiếu chung, đóng vai trò như một công cụ cho phép so sánh trình độ giữa các nước thành viên ASEAN.
Cấp văn bằng chứng chỉ	Là quy trình cấp chứng chỉ, văn bằng hoặc danh hiệu chính thức chứng thực rằng một tập hợp các chuẩn đầu ra (kiến thức, bí quyết, kỹ năng và/hoặc năng lực) mà một cá nhân đạt được đã được đánh giá và xác nhận bởi một cơ quan có thẩm quyền theo một tiêu chuẩn định sẵn. ²
Khung chứng nhận	Khung chứng nhận là năng lực và các yêu cầu khác liên quan đến các loại nghề nghiệp cụ thể. ³ Khung chứng nhận có thể dẫn đến việc cấp một chứng chỉ xác nhận một người đã hoàn thành các yêu cầu, hoặc một phần yêu cầu của một trình độ.

¹Cedefop (2011), tr. 109.

²Cedefop (2011), tr. 16

³Phòng theo ISO/IEC 17024:2012

Cơ quan cấp phát văn bằng và/hoặc chứng nhân*	Cơ quan cấp phát văn bằng (ví dụ như chứng chỉ, bằng cấp hoặc danh hiệu) chính thức công nhận việc đạt được chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng và/hoặc năng lực) của một cá nhân, sau khi thực hiện một quy trình đánh giá và xác nhận. ⁴
Năng lực*	Năng lực là khả năng không chỉ giới hạn việc sở hữu kiến thức và kỹ năng. Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Năng lực nhận thức liên quan đến việc sử dụng lý thuyết và các khái niệm, cũng như tri thức ẩn không chính thức đạt được thông qua trải nghiệm. • Năng lực chuyên môn (kỹ năng hay bí quyết) là những thứ mà một người có khả năng thực hiện khi làm việc trong một lĩnh vực nhất định • Năng lực cá nhân liên quan đến việc biết cách tự xử lý công việc trong một tình huống cụ thể, và • Năng lực đạo đức liên quan đến việc sở hữu các giá trị cá nhân và nghề nghiệp nhất định.⁵
Tiêu chuẩn năng lực*	Tuyên bố đã được phê chuẩn và chính thức hóa bởi một cơ quan có thẩm quyền, trong đó xác định các quy tắc phải tuân theo trong một bối cảnh nhất định hoặc xác định các kết quả phải đạt được. Tiêu chuẩn năng lực đề cập đến kiến thức, kỹ năng và/hoặc các năng lực liên quan đến khả năng thực hành một công việc. ⁶
Tiêu chuẩn nghề nghiệp*	Tuyên bố đã được phê chuẩn và chính thức hóa bởi một cơ quan có thẩm quyền, trong đó xác định các quy tắc phải tuân theo trong một bối cảnh nhất định hoặc xác định các kết quả phải đạt được. Tiêu chuẩn nghề nghiệp đề cập những yêu cầu hoạt động và công việc liên quan đến một việc làm cụ thể và thực hành công việc đó ⁷
Nhà cung cấp*	Tổ chức lập kế hoạch và cung cấp dịch vụ giáo dục/đào tạo và đánh giá thường để cấp văn bằng hoặc các thành phần trong trình độ văn bằng.
Trình độ*	Trình độ là một sự công nhận bởi một cơ quan chính thức đối với một người được đánh giá đã đạt được chuẩn đầu ra hoặc có năng lực theo tiêu chuẩn quy định cho loại trình độ đó; thường là chứng chỉ, bằng trung cấp, cao đẳng hoặc đại học. Việc học tập và đánh giá cho một trình độ có thể được thực hiện thông qua kinh nghiệm làm việc và/hoặc một chương trình học tập. Chứng nhận trình độ là sự công nhận chính thức về giá trị trên thị trường lao động và cho việc học liên thông. ⁸
Khung trình độ*	Công cụ để phát triển và phân loại các trình độ (ở cấp quốc gia hoặc lĩnh vực ngành) theo một bộ tiêu chí (qua các bản mô tả) có thể áp dụng với các cấp độ cụ thể của chuẩn đầu ra. ⁹

⁴Cedefop (2011), tr. 10 & 11

⁵Coles & Werquin (2006), tr. 23

⁶Cedefop (2011), tr. 109

⁷Cedefop (2011), tr. 109

⁸Coles & Werquin (2006) tr. 21 & 22

⁹Cedefop (2011), tr. 82

Hệ thống trình độ*	Hệ thống trình độ bao gồm tất cả các khía cạnh trong hoạt động của một quốc gia mà dẫn đến công nhận việc học tập. Những hệ thống này bao gồm các công cụ phát triển và vận hành chính sách quốc gia hoặc khu vực về trình độ, cơ cấu thể chế, quy trình bảo đảm chất lượng, quy trình đánh giá và cấp văn bằng, việc công nhận kỹ năng và các cơ chế khác liên kết giáo dục và đào tạo với thị trường lao động và xã hội. Hệ thống trình độ có thể ít nhiều mang tính tích hợp và chặt chẽ. Một đặc điểm của hệ thống trình độ là có một khung trình độ rõ ràng. ¹⁰
Bảo đảm chất lượng*	Bảo đảm chất lượng là một cấu phần của quản lý chất lượng tập trung vào việc bảo đảm sự tin tưởng đối với các yêu cầu về chất lượng được thực hiện. ¹¹ Liên quan đến các dịch vụ giáo dục và đào tạo, bảo đảm chất lượng đề cập đến quá trình có hệ thống và được hoạch định sẵn nhằm tạo niềm tin trong việc thiết kế, tổ chức đào tạo và cấp bằng trong một hệ thống giáo dục và đào tạo. Trong giáo dục và đào tạo, bảo đảm chất lượng liên quan đến các quá trình được lập kế hoạch và có hệ thống nhằm bảo đảm sự tin tưởng trong thiết kế chương trình, tổ chức đào tạo và cấp chứng nhận trình độ trong một hệ thống giáo dục và đào tạo. Bảo đảm chất lượng giúp bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và đầu tư của họ vào một chương trình đào tạo đã được kiểm định.
Khung bảo đảm chất lượng*	Bộ nguyên tắc, hướng dẫn, công cụ và tiêu chuẩn đóng vai trò như một tham chiếu hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các hoạt động bảo đảm chất lượng.
Chỉ số chất lượng*	các con số hoặc tỷ lệ được công nhận chính thức được sử dụng làm chuẩn so sánh để xét đoán và đánh giá hiệu suất chất lượng. ¹²
Nguyên tắc chất lượng*	Mục đích và định hướng chung của một khung chất lượng hoặc một tổ chức có liên quan đến hoạt động bảo đảm chất lượng.
Tiêu chuẩn chất lượng*	Các thông số kỹ thuật có thể đo lường và được soạn thảo dưới sự đồng thuận và phê chuẩn của một tổ chức được công nhận ở cấp khu vực, quốc gia hay quốc tế. Mục đích của tiêu chuẩn chất lượng là tối ưu hóa đầu vào và/hoặc đầu ra của hoạt động học tập. ¹³
Hệ thống bảo đảm chất lượng*	Hệ thống bảo đảm chất lượng bao gồm tất cả các khía cạnh trong hoạt động của một quốc gia liên quan đến việc bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo. Các hệ thống này bao gồm những yếu tố sau: <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu, tiêu chuẩn rõ ràng và có thể đo lường được, các hướng dẫn thực hiện, trong đó có sự tham gia của các bên liên quan • Các nguồn lực phù hợp • Các phương pháp đánh giá nhất quán, kết hợp tự đánh giá và đánh giá ngoài • Cơ chế và quy trình phản hồi để cải tiến, và • Kết quả đánh giá có thể được tiếp cận rộng rãi

¹⁰Coles & Werquin (2006), tr. 22

¹¹AS/NZS ISO 9000:2006, tr. 9

¹²Cedefop Glossary (2011), tr. 88

¹³Cedefop Glossary (2011), tr. 96

Công nhận	<p>Công nhận chính thức là quá trình chấp thuận kết quả học tập về kỹ năng và năng lực thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấp văn bằng (chứng chỉ, bằng hoặc danh hiệu) sau khi đã đánh giá, hoặc • Cấp chứng nhận tương đương, xác nhận các đơn vị tín chỉ hoặc miễn trừ, xác nhận các kỹ năng và/hoặc năng lực đã đạt được. <p>Công nhận của xã hội là sự thừa nhận về giá trị kỹ năng và/hoặc năng lực bởi các bên liên quan về kinh tế và xã hội.¹⁴</p>
Tham chiếu*	Tham chiếu là một quá trình dẫn đến việc thiết lập mối quan hệ giữa khung trình độ quốc gia và khung trình độ khu vực.
Khung trình độ khu vực*	Cấu trúc rộng bao gồm các cấp độ chuẩn đầu ra được đồng thuận bởi các quốc gia trong một khu vực địa lý. Là công cụ cho phép so sánh một khung trình độ quốc gia với một khung khác và, sau đó, là để một trình độ ở một quốc gia được so sánh với một trình độ ở một quốc gia khác.
Cơ quan đăng ký*	Cơ quan đăng ký là những cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm phê chuẩn các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo, ví dụ như cơ quan trình độ quốc gia, hội đồng đánh giá chính thức hoặc cơ quan, tổ chức khác được quốc gia phê chuẩn. Các cơ quan đăng ký hoạt động trong một hệ thống bảo đảm chất lượng.
Đăng ký nhà cung cấp*	<p>Quy trình đăng ký bao gồm việc một cơ quan đăng ký công nhận chính thức rằng nhà cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng có liên quan. Dưới góc độ các khung trình độ quốc gia, thông thường nhà cung cấp được đăng ký để thực hiện và đánh giá các chương trình được kiểm định và cấp phát văn bằng.</p> <p>Một số cơ quan có tách biệt giữa hai quy trình, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công nhận chính thức nhà cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn chung • Công nhận chính thức nhà cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể liên quan đến hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá của một chương trình cụ thể. <p>Theo mục đích của Khung tham chiếu trình độ ASEAN, đăng ký nhà cung cấp là thuật ngữ được sử dụng cho cả hai quy trình này.</p>

¹⁴Phòng theo Cedefop (2011), tr. 97

Giới thiệu

Hiến chương ASEAN được ký bởi mười nhà Lãnh đạo ASEAN tại Singapore vào ngày 20 tháng 11 năm 2007 nhằm mục đích: “xây dựng một thị trường và trung tâm sản xuất đơn nhất với sự ổn định, thịnh vượng, khả năng cạnh tranh và liên kết kinh tế cao, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư, bao gồm luân chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ và dòng đầu tư; di chuyển thuận lợi của các doanh nhân, những người có chuyên môn cao, những người có tài năng và lực lượng lao động, và sự luân chuyển tự do hơn các dòng vốn;” và “Phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và học tập suốt đời, trong khoa học và công nghệ, để tăng cường quyền năng cho người dân ASEAN và thúc đẩy Cộng đồng ASEAN”.¹⁵

Năm 2007, các nước thành viên ASEAN (AMS)¹⁶ đã thông qua Kế hoạch Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) (ASEAN 2007). Bản kế hoạch kêu gọi hợp tác, trong đó có việc công nhận trình độ chuyên môn. Bên cạnh các Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) trong lĩnh vực Kỹ thuật và Điều dưỡng kỹ kết lần lượt vào năm 2005 và 2006, năm (05) MRA đã được ký kết từ năm 2007 đến năm 2009 trong các lĩnh vực kiến trúc, khảo sát, y khoa, nha khoa và kế toán. Một cáu phần quan trọng khác của Kế hoạch AEC là tạo ra các dòng dịch chuyển tự do cho lao động có kỹ năng thông qua “hài hòa hóa và tiêu chuẩn hóa” (ASEAN 2007:18), đặc biệt trong công tác chuẩn bị cho sự thành lập AEC năm 2015.

Đối với Cộng đồng Kinh tế ASEAN, các hoạt động liên quan đến phát triển nguồn nhân lực (HRD) đóng vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng kinh tế của mỗi nền kinh tế ASEAN, đóng góp to lớn cho sự phát triển trong khu vực nói chung. Được biết, thành công của tất cả các hoạt động phát triển nguồn nhân lực phụ thuộc phần lớn vào quá trình bền vững và liên tục trong học tập, đào tạo và kỹ năng hành nghề trong suốt cuộc đời. Vì thị trường ASEAN có tính cơ động cao và có sự dịch chuyển lao động nên một trong những yếu tố thành công quan trọng là việc công nhận năng lực và kỹ năng của người lao động. Vấn đề mà mỗi nền kinh tế thực sự phải đối mặt trong việc công nhận năng lực và kỹ năng cá nhân là thiếu các hướng dẫn như một tham chiếu để đáp ứng nhu cầu công nhận chéo này. Nếu không có các hướng dẫn và hệ thống chứng nhận này, dự đoán rằng tất cả các nền kinh tế sẽ có khả năng gặp phải nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động phát triển nhân lực như: (i) tuyển dụng nhân lực; (ii) các yêu cầu của dự án; (iii) sự phù hợp trình độ; (iv) tiêu chuẩn kỹ năng/năng lực.

Hiện nay, mỗi nước thành viên ASEAN (AMS) đều có khung quốc gia riêng liên quan đến hoạt động phát triển nguồn nhân lực. Một trong những chức năng của các khung này là đóng vai trò như một tham chiếu để công nhận nhiều loại trình độ và kỹ năng của nguồn nhân lực trong phạm vi đa ngành. Có 10 (mười) khung khác nhau trong Cộng đồng kinh tế ASEAN, mỗi khung có những đặc điểm độc đáo riêng. Khi hội nhập thị trường chung ASEAN, tất cả mười khung này sẽ được các nền kinh tế sử dụng đồng thời như nền tảng cho các hoạt động phát triển nguồn nhân lực.

Hướng dẫn này cung cấp nền tảng để tạo dựng niềm tin và hiểu biết về các hệ thống chứng nhận năng lực và nhằm mục đích cung cấp các nguyên tắc và quy trình để xây dựng quy trình công nhận các hệ thống này. Hướng dẫn bao gồm:

- Tổng quan về Khung trình độ quốc gia của AMS (Phần 1)
- Tổng quan về các hệ thống chứng nhận năng lực của AMS (Phần 2)
- Thảo luận về các khía cạnh quan trọng trong bảo đảm chất lượng (Phần 3)

¹⁵Điều lệ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (2007), Chương 1, Điều 1, các đoạn 5 và 10

¹⁶Bru-nây, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xia, Lào, Ma-lay-xia, Myanmar, Phi-líp-pin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam

- Các nguyên tắc hướng dẫn và quy trình được thống nhất về bảo đảm chất lượng liên quan đến các cơ quan có thẩm quyền và các nhà cung cấp dịch vụ đánh giá (Phần 4)
- Các nguyên tắc hướng dẫn và giao thức được thống nhất về việc công nhận các hệ thống chứng nhận năng lực (Phần 5)
- Tổng quan về AQR và làm thế nào để các cơ quan có thẩm quyền có thể tham gia vào các hoạt động tham chiếu ở cấp quốc gia (Phần 6).

Hướng dẫn cũng bao gồm phần thuật ngữ dùng trong khu vực đã thống nhất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thảo luận giữa các nước thành viên.

Khi các nước thành viên ASEAN (AMS) triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN) của mình bằng cách sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau và với mức độ thực thi khác nhau, rất khó để mặc nhận loại hình tổ chức chịu trách nhiệm về khung chứng nhận năng lực. Các định nghĩa sau đây đề cập hai thuật ngữ quan trọng sử dụng trong hướng dẫn cùng định nghĩa đã được thống nhất trong Khung tham chiếu trình độ ASEAN đối với cơ quan cấp phát hoặc chứng nhận văn bằng:¹⁷

- **Cơ quan có thẩm quyền.** Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm sau cùng về tất cả hoặc một số khía cạnh trong hệ thống chứng nhận năng lực. Cơ quan có thẩm quyền có thể là cơ quan về trình độ, cơ quan chịu trách nhiệm trong xây dựng/chứng nhận tiêu chuẩn nghề, cơ quan cấp bằng hoặc cơ quan chứng nhận năng lực.
- **Nhà cung cấp dịch vụ đánh giá.** Nhà cung cấp là những bên cung cấp dịch vụ đánh giá (và có thể là các dịch vụ đào tạo) và cũng có thể là một cơ quan cấp bằng hoặc là cơ quan chứng nhận năng lực.
- **Cơ quan chứng nhận/cấp bằng.** Cơ quan cấp bằng (ví dụ như chứng chỉ, văn bằng hoặc danh hiệu) chính thức công nhận việc đạt được các chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng và/hoặc năng lực) của một cá nhân, sau khi thực hiện một quy trình đánh giá và xác nhận.¹⁸

Hướng dẫn sử dụng thuật ngữ *cơ quan có thẩm quyền* thay cho *cơ quan chứng nhận năng lực* vì trong một số hệ thống chứng nhận, cơ quan chứng nhận cũng có thể là nhà cung cấp các dịch vụ đánh giá và không chịu trách nhiệm đối với vấn đề bảo đảm chất lượng tổng thể trong hệ thống hoặc khung chứng nhận năng lực.

¹⁷Hai thuật ngữ quan trọng này được đề cập từ Phần 4 để bảo đảm cùng có cách hiểu chung ngay từ đầu hướng dẫn. Định nghĩa thứ ba là một thuật ngữ AQR đã được thống nhất lấy từ bảng chú giải thuật ngữ nằm trong hướng dẫn này.

¹⁸Cedefop (2011), tr. 10 & 11

Phần 1:

Tổng quan về các Khung trình độ quốc gia (NQF) của các nước thành viên ASEAN

Phần 1: Tổng quan về các Khung trình độ quốc gia (NQF) của các nước thành viên ASEAN

Cedefop (2011, tr. 82) định nghĩa về khung trình độ như sau:

Là một công cụ để phát triển và phân loại bằng cấp (ví dụ như ở cấp quốc gia hoặc ngành) theo một hệ thống tiêu chí (ví dụ như sử dụng các ký hiệu mô tả) áp dụng đối với các cấp độ kết quả học tập nhất định

Việc xây dựng hoặc thực thi các NQF giữa các Quốc gia thành viên ASEAN có mức độ không giống nhau. Mỗi quốc gia đang ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình lập kế hoạch hoặc thực thi một phần QF hoặc NQF, và dường như không có ý định rõ ràng hoặc có hệ thống ở cấp quốc gia trong việc xây dựng một NQF. Việc xây dựng một NQF có thể được nhóm theo các danh mục chung sau đây:

1. Không có ý định
2. Có mong muốn nhưng không tiến hành thực hiện
3. Đang trong quá trình lập kế hoạch nền tảng
4. Đã hoàn thành giai đoạn xây dựng và thiết kế ban đầu
5. Đã thống nhất và lập hồ sơ một số cấu trúc và quy trình
6. Đã thiết lập và áp dụng một số cấu trúc và quy trình
7. Đã thiết lập các cấu trúc và quy trình được 5 năm
8. Có đề xuất hoặc đang tiến hành đánh giá các cấu trúc và quy trình.¹⁹

Bảng dưới đây chỉ ra mức độ thiết lập các NQF trong khu vực.

Bảng 1: Tóm tắt NQF

Quốc gia	Mức độ thiết lập	Giai
Brunei	Bắt đầu năm 2013, đã thực thi	6
Cam-pu-chia	Thiết lập năm 2012, giai đoạn thực thi ban đầu	5
In-đô-nê-xi-a	Thiết lập năm 2012, giai đoạn thực thi ban đầu	5
Lào	Đã lập kế hoạch	3
Ma-lay-xia	Thiết lập năm 2007, thực thi đầy đủ và ở giai đoạn đánh giá	8
Mi-an-ma	Đã lập kế hoạch	3
Phi-líp-pin	Thiết lập năm 2012, giai đoạn thực thi ban đầu	5
Singapore	QF ngành – Hệ thống bằng cấp kỹ năng lực lượng lao động, Bắt đầu năm 2005	7
Thái Lan	Thiết lập năm 2014, giai đoạn thực thi ban đầu, 3 NQF đã thiết lập các khung phụ	4
Việt Nam	Đã lập kế hoạch	3

Nguồn: Bateman & Coles 2015

Các khung trình độ hiện đang được xây dựng và các khung đang trong quá trình lên kế hoạch đều có khác biệt về mặt sau:

- Phương án quản trị
- Mục đích
- Cấu trúc (các bậc, miền học tập, áp dụng điểm tín chỉ).

¹⁹Danh mục trên được sử dụng trong lần nghiên cứu ban đầu về Khung tham chiếu trình độ ASEAN

Trong AMS, các khung trình độ được thiết lập thông qua nhiều quy trình khác nhau có thể bao gồm việc xây dựng luật pháp hoặc văn bản pháp luật đặc biệt liên quan đến khung này hoặc cơ quan có trách nhiệm. Trong khu vực ASEAN, có ba khung trực tiếp liên kết với một cơ quan chịu trách nhiệm (Brunei, Ma-lai-xi-a, Singapore²⁰); hai khung đã được thiết lập thông qua một văn kiện pháp lý liên quan trực tiếp đến khung (ví dụ Cam-pu-chia và In-đô-nê-xi-a). Khung trung gian của Thái Lan đã được Nội các phê chuẩn; ở Phi-líp-pin, khung này đã được thiết lập thông qua một Sắc lệnh.

Các phương án quản trị khung trình độ thường liên quan đến cơ sở pháp lý của khung này và cơ quan chịu trách nhiệm sẽ được xác định. Tuy nhiên, ở một số nước như Cam-pu-chia và In-đô-nê-xi-a, không tồn tại ranh giới trách nhiệm rõ ràng đối với công tác quản lý và giám sát NQF ở cấp quốc gia.

Coles et al (2014) cho thấy chức năng chính của Khung trình độ quốc gia là ‘đóng vai trò như một tiêu chuẩn so sánh dành cho cấp độ học tập được công nhận trong hệ thống bằng cấp quốc gia’ (tr. 22). Các khung được ghi nhận trong ASEAN có các mục đích khác nhau; tuy nhiên, vẫn có một số chủ đề chung, như sắp xếp thứ bậc và đặc điểm của bằng cấp, thúc đẩy nhiều con đường học tập cho người học, và được công nhận quốc tế. Bảng dưới đây tóm tắt các đặc điểm chính của các NQF hiện tại và đang được đề xuất.

Bảng 2: Tóm tắt cấu trúc NQF

Quốc gia	Cấp độ	Phạm vi	Theo tín chỉ
Brunei	8	<ul style="list-style-type: none"> Kiến thức và kỹ năng (các loại kiến thức và kỹ năng liên quan) Thực hành: Áp dụng kiến thức và hiểu biết (bối cảnh mà kiến thức và kỹ năng được áp dụng) Kỹ năng nhận thức chung Truyền thông, công nghệ thông tin và kỹ năng tính toán Tự chủ, trách nhiệm và làm việc nhóm (mức độ độc lập) 	Giáo dục đại học – 40 giờ học toàn quốc = 1 Giáo dục nghề nghiệp – 10 giờ học toàn quốc = 1
Cam-pu-chia	8	<ul style="list-style-type: none"> Kiến thức Kỹ năng nhận thức Kỹ năng vận động Kỹ năng và trách nhiệm giữa các cá nhân Kỹ năng giao tiếp, công nghệ thông tin và tính toán 	Có khác biệt tùy theo phương pháp luận
In-đô-nê-xi-a	9	Bao gồm 2 phần: <ul style="list-style-type: none"> Chung – đặc điểm, tính cách, thái độ làm việc, đạo đức và phẩm cách Cụ thể: <ol style="list-style-type: none"> Kỹ năng hoàn thành công việc và năng lực Khoa học/kiến thức Phương pháp và cấp độ năng lực trong áp dụng khoa học/kiến thức Kỹ năng quản lý 	Có – trong Giáo dục đại học+

²⁰Khung trình độ ngành giáo dục

CHDCND Lào*	8	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức • Kỹ năng • Ứng dụng • Kỹ năng xã hội 	-
Ma-lay-xi-a	8	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức • Kỹ năng thực hành • Các kỹ năng và trách nhiệm xã hội, giá trị, thái độ và tính chuyên nghiệp • Kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo và làm việc nhóm • Kỹ năng giải quyết vấn đề và khoa học • Kỹ năng quản lý thông tin và học tập lâu dài • Kỹ năng quản lý và kinh doanh 	40 giờ = 1 tín dụng
Mi-an-ma*	8	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức và kỹ năng • Ứng dụng và năng lực • Trách nhiệm 	-
Phi-líp-pin	8	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức, kỹ năng và giá trị • Ứng dụng • Mức độ độc lập (tự chủ và trách nhiệm) 	-
Singapore	6	<ul style="list-style-type: none"> • Cấp độ kiến thức và kỹ năng liên quan; • Mức độ áp dụng kiến thức và kỹ năng • Mức độ trách nhiệm, độc lập, tự tổ chức hoặc tổ chức cho người khác cần thiết để giải quyết vấn đề hoặc hoàn thành nhiệm vụ • Hiểu biết về các cấp độ và phạm vi nghề nghiệp, và chiều sâu kiến thức và kỹ năng cần thiết của những công việc mà bằng cấp hướng đến 	1 giá trị tín chỉ WSQ (cv) tương đương 10 giờ học được khuyến nghị. (RLH), (1 cv = 10 RLH). [^]
Thái Lan	9	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức • Kỹ năng • Đặc tính 	Có
Việt Nam*	8	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức • Kỹ năng • Tự chủ và trách nhiệm 	1 = 30 giờ học theo ước tính

Lưu ý:

* = đề xuất, # = Tổng cục Giáo dục Đại học 2012, + = không nằm trong nghị định

[^]Giờ học đề xuất (RLH) được định nghĩa là số giờ trung bình mà một học viên dự kiến sẽ trải qua để đạt được kết quả học tập theo quy định của một đơn vị năng lực, mà không phụ thuộc vào phương pháp đào tạo và đánh giá đã phê chuẩn nào.

Nguồn: Bateman & Coles 2015.

Phần lớn hoạt động xây dựng NQF trong khu vực xuất phát trực tiếp từ mong muốn tạo ra dòng chảy tự do lao động có kỹ năng thông qua “hài hòa hóa và tiêu chuẩn hóa” (ASEAN 2007, tr. 18) và cụ thể là sự chuẩn bị cho Cộng đồng kinh tế ASEAN năm 2015. Song song với quá trình xây dựng này là hoạt động phê chuẩn Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQR) thực hiện từ năm 2016; điều này cũng đã tạo ra động lực để

AMS xây dựng hoặc đánh giá các NQF của mình.

AQRF là một khung tham chiếu chung đóng vai trò như một công cụ cho phép so sánh về trình độ giữa các nước thành viên ASEAN. Khung này liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo²¹ và mục tiêu rộng hơn trong thúc đẩy việc học tập suốt đời.

AQRF đòi hỏi AMS phải tham chiếu các hệ thống trình độ của mình với AQRF. Quy trình tham chiếu là một quá trình mang tính quốc gia tự chủ theo đó các bên liên quan và các cấp chính quyền ở cấp quốc gia thống nhất về một mối liên kết giữa từng cấp độ bằng cấp quốc gia và cấp độ bằng cấp trong AQRF. Mối liên kết giữa cấp độ bằng cấp quốc gia và cấp độ trong AQRF là kết quả của quy trình tham chiếu và cho phép tạo mối liên kết xa hơn nữa, thông qua AQRF, với các cấp độ bằng cấp trong AMS khác.

Để xây dựng niềm tin về bằng cấp được trao trong toàn khu vực, khung này được củng cố nhờ một hệ thống các nguyên tắc về bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn chung liên quan đến:

- Chức năng của các cơ quan chịu trách nhiệm phê chuẩn
- Hệ thống để đánh giá quá trình học tập và cấp bằng
- Quy chế cấp chứng chỉ.

AQRF đòi hỏi các quốc gia sử dụng một hoặc nhiều khung bảo đảm bảo đảm chất lượng đã được thiết lập làm cơ sở cho các nguyên tắc bảo đảm chất lượng và các tiêu chuẩn chung đã thống nhất. Những khung này sẽ được sử dụng làm tiêu chuẩn so sánh để đánh giá các hệ thống bảo đảm bảo đảm chất lượng dành cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo có liên quan. Quy trình tham chiếu còn yêu cầu các Quốc gia thành viên mô tả các hệ thống bảo đảm bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo của mình.

Tính đến đầu năm 2016, không có AMS nào thực hiện quy trình tham chiếu chính thức mặc dù một số quốc gia có thể đã tiến hành tham chiếu không chính thức, bao gồm cả hoạt động đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng của mình.

²¹Giáo dục và đào tạo kết hợp hình thức học tập chính quy, học tập phi chính quy và học tập không chính thức. Học tập chính thức bao gồm, nhưng không giới hạn, giáo dục trung học, giáo dục cộng đồng và người lớn, TVET và giáo dục đại học.

Phần 2:

Tổng quan về các Hệ thống chứng nhận năng lực
của các nước thành viên ASEAN

Phần 2: Tổng quan về các Hệ thống chứng nhận năng lực của các nước thành viên ASEAN

Cedefop (2011, p. 16) định nghĩa chứng nhận là “quy trình cấp chứng chỉ, văn bằng hoặc danh hiệu về kết quả học tập chính thức chứng thực rằng một nhóm các kết quả học tập (kiến thức, bí quyết, kỹ năng và/hoặc năng lực) mà một cá nhân đạt được đã được đánh giá và xác nhận bởi một cơ quan có thẩm quyền theo một tiêu chuẩn định sẵn”.

Một trong những loại hệ thống chứng nhận phổ biến nhất liên quan đến phát triển nguồn nhân lực là một người được chứng nhận có khả năng thực hiện nhiệm vụ công việc cụ thể liên quan đến một nghề nghiệp. Quá trình chứng nhận thường dựa trên đánh giá, thường bao gồm bài kiểm tra, đánh giá sự thực hiện và/hoặc hồ sơ năng lực cá nhân. Quá trình chứng nhận có thể bao gồm chứng cứ về kinh nghiệm làm việc trước khi đánh giá. Một số hệ thống chứng nhận còn bao gồm khoảng thời gian công nhận hợp lệ và do đó đòi hỏi phải chứng nhận lại, trong khi những hệ thống khác chứng nhận với giá trị vĩnh viễn khi hoàn thành tất cả các yêu cầu đề được chứng nhận. Quá trình chứng nhận không nhất thiết phải đề cập đến việc có thể hành nghề một cách hợp pháp trong một ngành nghề cụ thể; điều này thường được gọi là cấp phép. Thông thường việc cấp phép dựa trên một công cụ pháp lý, là yêu cầu của chính phủ, bao gồm cả việc bảo vệ an toàn cho cộng đồng, và được quản lý bởi một cơ quan quản lý.

Trong một số trường hợp, hệ thống chứng nhận năng lực nằm ngoài thẩm quyền của NQF hoặc hệ thống bằng cấp chính quy bất kể nó được thiết lập bởi chính phủ, cơ quan chuyên môn hay doanh nghiệp. Có thể có nhiều hơn một loại hệ thống chứng nhận năng lực (tức là chính phủ, cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp tư nhân) được thành lập trong nước. Trong một số trường hợp, các hệ thống chứng nhận năng lực có thể không cấp bằng hoặc chứng nhận kết quả làm việc, có nghĩa là, các hệ thống này bigiới hạn trong phạm vi tuyên bố các năng lực đã đạt được.

Những hướng dẫn này liên quan đặc biệt đến các hệ thống chứng nhận năng lực đã được xây dựng thông qua một công cụ pháp lý như luật, nghị định, hoặc quy định, và được quản lý bởi một cơ quan chính phủ, tổ chức bán độc lập phi chính phủ. Các hệ thống chứng nhận năng lực liên quan đến cơ quan chuyên môn hoặc doanh nghiệp tư nhân có thể sử dụng hướng dẫn này để thông báo về việc thực hiện của mình.

Tổng quan về các hệ thống chứng nhận năng lực

Hệ thống chứng nhận năng lực trong toàn AMS chú trọng việc phát triển và đạt được năng lực. Các hệ thống chứng nhận năng lực trong toàn khu vực thường tập trung vào các cấp độ kỹ năng từ thấp đến trung bình nhưng cũng có thể hướng đến các cấp độ hoặc chuyên môn cao hơn, ví dụ như khung trình độ chuyên nghiệp ở Thái Lan.

Trong các quốc gia AMS, hệ thống chứng nhận năng lực nói chung thuộc thẩm quyền của Bộ chịu trách nhiệm về phát triển lao động. Tuy nhiên, các ví dụ gần đây là các hệ thống chứng nhận năng lực đã được thành lập bởi chính phủ và được điều chỉnh bởi các tổ chức có mức độ độc lập nhất định, ví dụ như Viện Trình độ chuyên môn Thái Lan (TPQI) và Baden Nasional Sertifikasi Profesi (BNSP) tại In-đô-nê-xi - a.

Sự tương quan giữa hệ thống chứng nhận năng lực và hệ thống bằng cấp

Đa phần, các hệ thống chứng nhận năng lực đã tiến hành xây dựng và hợp thức hóa trước NQF. Trong một số trường hợp, điều này gây ra căng thẳng giữa một hệ thống đã xây dựng các cấp độ năng lực được văn bản hóa với một hệ thống các mô tả bậc được đề xuất của NQF. Việc tìm ra tiếng nói chung hoặc làm hài hòa giữa hai khung thường là rào cản chính của việc thỏa thuận và thi hành một NQF.

Các NQF mới hơn thường tập trung vào việc tích hợp các hệ thống chứng nhận năng lực hiện có trong NQF. NQF có cấu trúc khung về các khung (meta) không phải là điều mới mẻ. Ở Nam Phi, có một cơ quan chịu trách nhiệm về NQF. Đối với mỗi lĩnh vực trong ba mảng giáo dục và đào tạo, có ba khung phụ được quản lý bởi Hội đồng chất lượng của riêng từng khung và cơ quan này cũng chịu trách nhiệm về việc bảo đảm bảo đảm chất lượng. Thái Lan cũng có cách tiếp cận tương tự, trong đó họ xây dựng một khung về các khung để liên kết các khung hiện có và các hệ thống khác nhau. Bảng dưới đây chỉ ra sự tương quan này.

Bảng 3: Khung Trình Độ Quốc Gia Thái Lan

Bảng cấp giáo dục			Cấp độ NQF	Tiêu chuẩn năng lực/kỹ năng	
Cơ bản		Đại học		TPQI	DSD
		Tiến sĩ	9		
		Thạc sĩ + Chứng chỉ	8		
		Thạc sĩ	7	7	
		Cử nhân + Chứng chỉ	6	6	
	Cử nhân	Cử nhân	5	5	3*
	Chứng chỉ	Cao đẳng	4	4	2
	Chứng nhận		3	3	1
Trung học phổ thông			2	2	
Trung học cơ sở			1	1	

Nguồn: Dự thảo tổng quan quốc gia Thái Lan năm 2014.

***Lưu ý:**

Xác nhận tại Hội nghị Nhóm Đặc trách Khung Tham chiếu (tháng 2 năm 2016). Đại diện của Thái Lan cho biết có 4 cấp nhưng chỉ có 3 cấp đã được thực hiện đầy đủ.

Cấp độ chứng nhận

Ở một số quốc gia, hệ thống chứng nhận năng lực đã thiết lập các cấp độ năng lực và đã xây dựng các bảng mô tả cấp độ. Trong một số trường hợp, đây chính là tiền thân của các NQF hoặc chứng tách biệt so với NQF. Bảng dưới đây mô tả năm ví dụ của AMS về cấp độ năng lực thuộc một hệ thống chứng nhận năng lực.

Bảng 4: Cấp độ kỹ năng

Quốc gia	Cấp độ kỹ năng
Lào	4 (+cơ bản)
Ma-lay-xia	5
Mi-an-ma	4
Phi-líp-pin	5
Thái Lan	
• Kỹ năng	4*
• Chuyên nghiệp	7
Việt Nam	5

Nguồn: Xác nhận tại Hội nghị Nhóm Đặc trách Khung tham chiếu tháng 2 năm 2015.

Lưu ý:

*có 4 cấp nhưng chỉ có 3 cấp đã được thực hiện đầy đủ.

Các bảng mô tả trong hệ thống chứng nhận năng lực về cấp độ kỹ năng và kiến thức cũng khác nhau ở các quốc gia. Khi NQF được tích hợp sâu hơn vào AMS, có thể các bảng mô tả cấp độ sẽ được kết hợp hoặc gộp vào các bảng mô tả cấp độ của NQF.

Bảng mẫu sau đây của Việt Nam đưa ra năm mô tả cấp độ và các mối quan hệ với chứng chỉ quốc gia.

Bảng 5: Bậc trình độ kỹ năng quốc gia Việt Nam

Bậc trình độ kỹ năng quốc gia		
Bậc	Yêu cầu	Chứng nhận
1	<ul style="list-style-type: none"> a) Có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đơn giản, lặp lại trong nghề b) Hiểu và có kiến thức cơ bản trong phạm vi hẹp về các hoạt động của nghề lĩnh vực; có thể áp dụng một số kiến thức cụ thể khi thực hiện công việc c) Có khả năng tiếp nhận, lưu ý và chuyển thông tin theo yêu cầu, chịu trách nhiệm một phần đối với kết quả, sản phẩm của bản thân 	Chứng chỉ 1
2	<ul style="list-style-type: none"> a) Có khả năng thực hiện các công việc đơn giản, lặp lại và một số công việc có tính phức tạp trong phạm vi tình huống định sẵn có sự chỉ dẫn b) Hiểu và có một số kiến thức cơ bản về các hoạt động nghề; có thể áp dụng một số kiến thức chuyên môn và có thể đưa ra một số giải pháp để giải quyết các vấn đề thông thường trong công việc c) Biết cân nhắc, dự đoán và diễn giải thông tin; biết làm việc theo nhóm, có thể làm việc độc lập trong một số trường hợp và chịu phần lớn trách nhiệm đối với kết quả, sản phẩm của bản thân 	Chứng chỉ 2

3	<ul style="list-style-type: none"> a) Có khả năng thực hiện các công việc khác nhau, một số trong đó có tính phức tạp và quan trọng với nhiều lựa chọn, có thể làm việc độc lập không cần có sự chỉ dẫn b) Hiểu và có kiến thức về các khái niệm lý thuyết cơ bản, kiến thức chuyên môn của nghề nghiệp; biết áp dụng kiến thức chuyên môn và biết cách xác định để áp dụng kiến thức nhằm đối phó, giải quyết các vấn đề thông thường trong các hoàn cảnh khác nhau c) Xác định, phân loại, phân tích và đánh giá thông tin từ các nguồn khác nhau; có khả năng hướng dẫn cho người khác trong nhóm; chịu trách nhiệm đối với sản phẩm của bản thân theo tiêu chuẩn chất lượng quy định và có thể chịu trách nhiệm một phần đối với sản phẩm của người khác trong nhóm 	Chứng chỉ 3
4	<ul style="list-style-type: none"> a) Có khả năng thực hiện nhiều công việc trong phạm vi rộng của nghề, hầu hết trong số đó có tính phức tạp và quan trọng với nhiều lựa chọn khác nhau, có thể làm việc độc lập không cần giám sát và hướng dẫn b) Hiểu và có đủ kiến thức rộng về các khái niệm lý thuyết cơ bản và chuyên môn sâu trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nghề nghiệp; có thể chuyển giao và áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách sáng tạo để xử lý các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong các hoàn cảnh khác nhau c) Phân tích, đánh giá thông tin và sử dụng phân tích để đưa ra ý tưởng, đề xuất cho việc nghiên cứu và quản lý; quản lý và điều hành nhóm hoặc tổ làm việc khi thực hiện công việc; chịu trách nhiệm đối với kết quả, sản phẩm của bản thân theo tiêu chuẩn chất lượng quy định và chịu trách nhiệm hữu hạn đối với kết quả, sản phẩm của nhóm hoặc tổ làm việc 	Chứng chỉ 4
5	<ul style="list-style-type: none"> a) Có khả năng thực hiện tất cả các công việc của nghề một cách thành thạo; làm việc với tính độc lập cao, tự chủ cao b) Có kiến thức rộng về các khái niệm lý thuyết cơ bản và có kiến thức chuyên môn sâu trong nhiều lĩnh vực của nghề; có khả năng phân tích, dự báo, thiết kế, xem xét để giải quyết cả vấn đề kỹ thuật và quản lý trong phạm vi rộng c) Phân tích, đánh giá và tạo lập thông tin để đưa ra ý kiến và sáng kiến; quản lý và điều hành nhóm hoặc tổ làm việc khi thực hiện công việc; chịu trách nhiệm đối với kết quả, sản phẩm của bản thân theo tiêu chuẩn chất lượng quy định và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm của nhóm hoặc tổ theo tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đã đề ra 	Chứng chỉ 5

Nguồn: Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Định nghĩa về năng lực

Nghiên cứu gần đây (Dự thảo của Nhóm Ngân hàng thế giới năm 2015) chỉ ra rằng có nhiều định nghĩa về năng lực có trong tài liệu về giáo dục và đào tạo nghề và thông thường cách tiếp cận đối với năng lực sẽ ảnh hưởng đến quá trình lập tài liệu và đánh giá năng lực. Phát hiện này phản ánh nhiều định nghĩa khác nhau tồn tại trong AMS. Bảng dưới đây tóm tắt từng định nghĩa về năng lực của mỗi quốc gia.

Bảng 6: Định nghĩa về năng lực

Quốc gia	Định nghĩa
Cam-pu-chia	Tiêu chuẩn kỹ năng ‘cần thiết để hoạt động hiệu quả tại nơi làm việc. Định nghĩa này bỏ qua việc xác định các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà chú trọng xác định các cấp độ hiệu suất hoạt động mà người lao động trong một việc làm cụ thể phải đạt được’
In-đô-nê-xi-a	Năng lực là kiến thức, kỹ năng và thái độ được áp dụng tại nơi làm việc
CHDCND Lào	Năng lực là kiến thức, kỹ năng và thái độ có liên quan được áp dụng theo tiêu chuẩn thực hiện yêu cầu tại nơi làm việc. Năng lực mô tả các công việc trong một vị trí việc làm cụ thể
Ma-lay-xia	Năng lực được ghi nhận là một khả năng được rèn luyện và đạt được để thực hiện một nhiệm vụ hoặc công việc một cách thành thạo
Mi-an-ma	Kiến thức, kỹ năng và khả năng
Phi-líp-pin	Năng lực được ghi nhận là ‘khả năng hoặc sự thành thạo, và liên quan đến việc áp dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để hoàn thành một công việc trong một phạm vi bối cảnh và môi trường theo tiêu chuẩn yêu cầu tại nơi làm việc’ (TESDA)
Singapore	Năng lực là tập hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ có thể đo lường được giúp thúc đẩy hiệu suất hoạt động của một cá nhân để thực hiện công việc của mình một cách hiệu quả
Thái Lan	Lĩnh vực nghề và kỹ năng: Năng lực là cấp độ chất lượng cần có được mong đợi hoặc được chấp nhận của các quy trình hoặc sản phẩm của một cá nhân khi cung cấp, hoặc/và của việc giải quyết vấn đề, thể hiện qua thực tế khả năng của mình sau khi học tập/trải nghiệm làm việc Lĩnh vực kỹ năng chuyên nghiệp: Năng lực là việc áp dụng kiến thức và kinh nghiệm để làm việc
Việt Nam	Năng lực là kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện những công việc của một nghề

Nguồn: Phòng theo bản dự thảo của Nhóm Ngân hàng thế giới năm 2015.

Gần đây nhất, AMS đã xác nhận thông qua AQRF rằng thuật ngữ thống nhất trong khu vực được định nghĩa như sau:

Năng lực là khả năng vượt ra ngoài việc sở hữu kiến thức và kỹ năng. Bao gồm:

i) năng lực về nhận thức bao gồm việc sử dụng lý thuyết và các khái niệm, cũng như kiến thức ngầm không chính quy có được qua kinh nghiệm

ii) *năng lực chuyên môn (kỹ năng hay bí quyết), những thứ mà một người có thể làm khi làm việc trong một lĩnh vực nhất định*

iii) *năng lực cá nhân nói đến cách tự xử lý công việc trong một tình huống cụ thể, và*

iv) *năng lực về đạo đức liên quan việc sở hữu các giá trị cá nhân và nghề nghiệp nhất định.*²²

Sự thống nhất này không có nghĩa là AMS cần thay đổi định nghĩa của quốc gia mình, mà định nghĩa này được áp dụng trong đối thoại và các sáng kiến của khu vực.

*Bảo đảm chất lượng trong chứng nhận*²³

Trong khu vực, mỗi AMS cam kết các quy trình bảo đảm chất lượng quan trọng sau đây theo nhiều cách khác nhau:

1. Xây dựng tiêu chuẩn về năng lực
2. Năng lực đánh giá viên
3. Khả năng của nhà cung cấp
4. Đánh giá
5. Sự tin cậy đối với các quyết định đánh giá.

1. Xây dựng và cấu trúc định dạng các tiêu chuẩn năng lực

Hầu hết AMS đang xây dựng các tiêu chuẩn nghề hoặc năng lực trong lĩnh vực GDNN; dù vậy, trong hầu hết các trường hợp, các quốc gia sử dụng thuật ngữ tiêu chuẩn năng lực và tiêu chuẩn nghề thay thế cho nhau. Quy trình xây dựng các tiêu chuẩn năng lực trong hầu hết các AMS đều được thực hiện theo các quy trình giống nhau. Các quốc gia đang lập thành văn bản các quy trình dưới hình thức chỉ thị hoặc hướng dẫn chính thức, và trong tất cả các trường hợp, một tổ chức chính phủ sẽ chịu trách nhiệm đối với việc xây dựng các tiêu chuẩn năng lực này. Tất cả AMS đều sử dụng các đại diện ngành công nghiệp tư nhân trong một số hình thức (ví dụ các nhóm làm việc về kỹ thuật, các cuộc họp phê duyệt khu vực ngành công nghiệp, các nhóm sử dụng lao động, các nhóm lao động) và thường sử dụng các đào tạo viên hoặc tổ chức đào tạo. Quy trình xây dựng này bao gồm việc kết hợp phương pháp DACUM, và phân tích chức năng và phân tích nhiệm vụ công việc cộng cùng với nghiên cứu quốc tế và dựa vào các chương trình đào tạo hiện có. Đợt phê duyệt cuối cùng thường được xác nhận bởi cơ quan chính phủ được ủy nhiệm, nhưng trong một số trường hợp, hoạt động phê duyệt cuối cùng thuộc về một ủy ban bao gồm đại diện các ngành công nghiệp (ví dụ như CHDCND Lào).²⁴

Nhìn chung, định dạng cho các tiêu chuẩn trong lĩnh vực GDNN rộng hơn tuân theo một định dạng tương tự. Nói chung, hầu hết các quốc gia ASEAN có xu hướng điều chỉnh định dạng tiêu chuẩn nghề hoặc tiêu chuẩn năng lực của mình với các tiêu chuẩn năng lực mẫu khu vực của ILO.²⁵ Định dạng của tiêu chuẩn năng lực nói chung bao gồm:

- Thông tin cơ bản về nghề

²²Coles & Werquin (2006), tr. 23.

²³Thông tin trong mục này dựa trên nghiên cứu chưa được công bố gần đây của Nhóm Ngân hàng thế giới (dự thảo năm 2015).

²⁴Dự thảo của Nhóm Ngân hàng thế giới 2015

²⁵Hướng dẫn cập nhật để xây dựng Tiêu chuẩn năng lực mẫu khu vực 2016

- Mã và tên gọi đơn vị năng lực
- Mô tả đơn vị năng lực
- Đơn vị năng lực
 - o Các thành tố và tiêu chí thực hiện
 - o Các biến số và phạm vi có thể thay đổi
 - o Hướng dẫn chứng cứ

Ở hầu hết các quốc gia ASEAN, các tiêu chuẩn được chia thành năng lực cốt lõi và tự chọn, bao gồm năng lực kỹ thuật và năng lực chung.

Trong các khung chứng nhận năng lực,²⁶ kết quả có thể có hoặc không dẫn đến một văn bằng trình độ. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp trên, các nhóm tiêu chuẩn năng lực hoặc tiêu chuẩn nghề được nhóm lại thành các vị trí vai trò nghề nghiệp hoặc các trình độ. Các quốc gia sử dụng các thuật ngữ khác nhau cho các nhóm tiêu chuẩn này và các quy tắc hoàn thiện thường được bổ trợ bởi thông tin bổ sung, như:

- Khung năng lực (Brunei)
- Quy chế đào tạo (Phi-líp-pin)
- Khung bằng cấp kỹ năng lao động (WSQ) (Singapore)

2. Đánh giá viên

Mặc dù các hệ thống chứng nhận năng lực có thể bao gồm cả đào tạo và đánh giá, nhưng một số đơn thuần chỉ là hệ thống đánh giá. Yêu cầu đối với các đánh giá viên trong AMS thường được quy định rõ trong tiêu chuẩn chất lượng (ví dụ như ở Singapore và In-đô-nê-xi-a) hay các chính sách và hướng dẫn (ví dụ như ở Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a). Mặc dù có thể có thay đổi về mặt nội dung đối với các yêu cầu cụ thể, nhưng nhìn chung yêu cầu tối thiểu dành cho cả đào tạo viên và/hoặc đánh giá viên phải có ít nhất cấp độ năng lực về nội dung và kỹ năng nghề cũng như có bằng cấp chuyên môn về sư phạm và trong một số trường hợp, cần có kinh nghiệm làm việc từ trước. Trong một số trường hợp, đánh giá viên đòi hỏi phải có một số các năng lực cụ thể liên quan đến hoạt động đánh giá dựa trên năng lực. Ở một số quốc gia, yêu cầu về đào tạo viên/đánh giá viên là tương đối mới và chưa được thực hiện đầy đủ.

Một số quốc gia có hệ thống đăng ký quốc gia về đào tạo viên (Phi-líp-pin là một ví dụ về hệ thống đăng ký GDNN quốc gia, và còn có Thái Lan [OVEC]), theo đó hoạt động đánh giá được kiểm soát tập trung và có hệ thống đăng ký đánh giá viên đủ điều kiện (ví dụ như GDNN của Phi-líp-pin và hệ thống chứng nhận năng lực của In-đô-nê-xi-a). Trong cả hai hệ thống chứng nhận năng lực của In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin đều có quy trình giám sát đánh giá viên.

3. Khả năng của nhà cung cấp

Trong AMS, trách nhiệm bảo đảm chất lượng của nhà cung cấp²⁷ thường thuộc về một hoặc hai Bộ, ví dụ

²⁶Các khung chứng nhận là năng lực và các yêu cầu khác liên quan đến các danh mục nghề nghiệp cụ thể. Các khung chứng nhận có thể cấp chứng biểu thị người đó đã hoàn thành các yêu cầu, hoặc được đưa vào một hạng mục chuyên môn.

²⁷Nhà cung cấp dịch vụ đào tạo, nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và đánh giá, nhà cung cấp dịch vụ đánh giá đơn thuần

như các Bộ chịu trách nhiệm về giáo dục hoặc lao động. Các thỏa thuận về bảo đảm bảo đảm chất lượng có thể thay đổi và không nhất thiết phải được áp dụng nhất quán đối với tất cả các nhóm nhà cung cấp GDNN. Quy trình phê duyệt có thể:

- Không bắt buộc đối với các nhóm nhà cung cấp cụ thể, nhưng có thể bắt buộc đối với các nhóm nhà cung cấp riêng biệt có nhóm mục tiêu riêng biệt
- Các nhà cung cấp riêng biệt, ví dụ như các nhà cung cấp của chính phủ
- Bắt buộc đối với tất cả các nhà cung cấp khi cấp bằng được công nhận theo NQF

Trong hầu hết AMS, các yêu cầu xin phê duyệt của các nhà cung cấp được nêu trong các quy định pháp luật hoặc quy định của chính phủ, hoặc trong một số trường hợp là trong tiêu chuẩn chất lượng.

Mức độ thực hiện trong việc giám sát các nhà cung cấp và kết quả của nhà cung cấp có thể không được thiết lập phù hợp trên hệ thống chứng nhận năng lực AMS. Không phải tất cả các cơ quan chịu trách nhiệm của AMS đều có hệ thống đăng ký công dành cho nhà cung cấp có bằng cấp mà họ được phê duyệt để cung cấp dịch vụ hoặc đánh giá.

4. Đánh giá

Năng lực có thể đạt được thông qua:

- Đào tạo
- Kinh nghiệm làm việc
- Kinh nghiệm sống

Đánh giá được sử dụng để xác nhận năng lực. Đánh giá có thể diễn ra trong một nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và đánh giá hoặc nhà cung cấp dịch vụ đánh giá đơn thuần. Trong một số AMS, việc tách phân cung cấp dịch vụ đào tạo khỏi phân cung cấp dịch vụ đánh giá được coi là một yếu tố cần thiết của một hệ thống chứng nhận năng lực hiệu quả. Cách tiếp cận này phần nào là do một số cơ quan chứng nhận tuân thủ theo Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp– Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân. Tiêu chuẩn này nhấn mạnh cần phải có tính khách quan trong hoạt động chứng nhận; việc tách đào tạo với đánh giá được coi như biểu thị cho yêu cầu này.

Trong AMS, các dịch vụ đánh giá đơn thuần thường không được xem là công nhận phần đánh giá kết quả học tập trước đó, mặc dù về mặt kỹ thuật chúng là một và giống nhau. Cả hai liên quan đến việc đánh giá năng lực của một cá nhân mà không có sự tham gia của đánh giá viên vào quá trình học tập của cá nhân (không phân biệt học tập thông qua hình thức chính quy, không chính quy hay phi chính quy).

5. Thúc đẩy độ tin cậy trong các quyết định đánh giá

Đa số hiện nay chấp nhận rằng các quyết định đánh giá là có giá trị và đáng tin cậy.

Nhìn chung, giá trị của quyết định đi đôi với tính phù hợp của các kết luận, khả năng sử dụng và hệ quả phát sinh từ việc đánh giá. Nói một cách đơn giản, nó đi đôi với mức độ mà một quyết định đánh giá về một ứng viên (ví dụ, có năng lực/không có năng lực, cấp đánh giá và/hoặc điểm số), dựa trên chứng cứ thể hiện của ứng viên, được minh giải.

Nói chung, độ tin cậy là ước định về tính chính xác hoặc rõ ràng của hoạt động đánh giá ở dạng công cụ

đo lường. Độ tin cậy liên quan đến việc có bao nhiêu lỗi trong chứng cứ.

Nguồn: Gillis & Bateman 2015, tr. 26

Trong AMS, mức độ tin cậy trong các quyết định đánh giá được thúc đẩy như thế nào còn phụ thuộc vào cách thức tiếp cận và mức độ thực hiện. Chiến lược bao gồm:

- Phê duyệt công cụ đánh giá (ví dụ Cục Phát triển Kỹ năng Ma-lai-xi-a)
- Kiểm định và sử dụng dịch vụ xác minh bên ngoài (ví dụ Badan Nasional Sertifikasi Profesi [BNSP] - Cơ quan chứng nhận chuyên nghiệp quốc gia ở In-đô-nê-xia)
- Phê duyệt và giám sát đánh giá viên (ví dụ Cơ quan Phát triển kỹ năng và giáo dục kỹ thuật [TESDA] ở Phi-líp-pin)
- Sử dụng các đại diện ngành công nghiệp hoặc doanh nghiệp trong hoạt động đánh giá hoặc trong hoạt động rà soát sau đánh giá

Trong nhiều trường hợp, hoạt động bảo đảm bảo đảm chất lượng đối với các quyết định đánh giá là một trong những thách thức lớn nhất cho các khung chứng nhận năng lực ở AMS.

Các sáng kiến khu vực hoặc quốc tế

Đối với nhiều AMS, áp lực từ sự dịch chuyển sinh viên và lao động cho thấy sự cần thiết của việc công nhận bằng cấp quốc tế, bao gồm cả việc tạo điều kiện cho việc công nhận công dân của quốc gia mình ở các quốc gia khác.

Chiến lược để có thể tạo thuận lợi cho quá trình công nhận bao gồm:

- Việc xây dựng Khung tham chiếu trình độ ASEAN gần đây đã đặt trọng tâm vào các NQF và những lợi ích tiềm năng có được từ hoạt động tham chiếu. Tuy nhiên, đối với nhiều AMS, vẫn còn sớm để tham chiếu NQF của họ với các NQF của quốc gia khác hoặc với AQRF.²⁸
- AMS đã tập trung vào các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (ví dụ về kỹ thuật và điều dưỡng, kiến trúc, khảo sát, hành nghề y, hành nghề nha khoa, kế toán, và chuyên môn du lịch)
- Các quốc gia riêng lẻ đã đạt được thỏa thuận với các quốc gia khác về tham chiếu hoặc MOU đã được đàm phán
- Về phía các cá nhân muốn được đánh giá bằng cấp, không phải tất cả các quốc gia đều có quy trình bằng văn bản dành cho những trường hợp này, và trong nhiều trường hợp, điều này đã được thực hiện trên cơ sở từng trường hợp cụ thể

Bên cạnh đó, có một số sáng kiến khu vực nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nhận cá nhân và/hoặc hệ thống:

- Công ước khu vực Châu Á-Thái Bình Dương về Công nhận trình độ trong giáo dục đại học năm 2011 (UNESCO 2012) đặt mục tiêu “bảo đảm các nghiên cứu, chứng chỉ và bằng cấp trong giáo dục đại học được công nhận rộng rãi nhất có thể, trên cơ sở xét đến sự đa dạng của các hệ thống giáo dục ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cùng sự phong phú trong nền tảng văn hóa, xã hội, chính trị, tôn giáo và kinh

²⁸Tham khảo Mục 6 của Hướng dẫn này để biết thêm chi tiết

tế của khu vực”²⁹. Công ước đề cập đến giáo dục đại học với định nghĩa là ‘giáo dục, đào tạo hoặc nghiên cứu sau trung học được công nhận thuộc hệ thống giáo dục đại học bởi các cơ quan chức năng có liên quan của một Bên’³⁰. Công ước có thể bao hàm GDNN và giáo dục đại học (hoặc các chương trình thuộc cấp độ đại học) tùy theo cách tiếp cận của mỗi quốc gia trong việc thực thi Công ước này. Công ước tập trung vào việc thiết lập các nguyên tắc cơ bản để cung cấp thông tin và thực thi công ước. Điều III đưa ra các quy trình đánh giá và công nhận trình độ.³¹

- Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương nhằm mục tiêu: thiết lập một thỏa thuận khu vực nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế; mang lại tăng trưởng kinh tế và lợi ích xã hội; tạo cơ hội mới cho người lao động và doanh nghiệp; góp phần nâng cao mức sống; mang lợi ích cho người tiêu dùng; giảm đói nghèo; và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.³²

²⁹<http://www.unescobkk.org/education/higher-education/promotion-of-academic-mobility/asia-pacific-regional-convention-on-the-recognition-of-qualifications-in-higher-education-an-overview/>

³⁰UNESCO 2012, tr. 3

³¹UNESCO 2012

³²Nhiều quốc gia ASEAN là một phần của thỏa thuận này bao gồm: Brunei, Ma-lai-xia, Singapore và Việt Nam; <http://dfat.gov.au/trade/agreements/tpp/official-documents/Documents/preamble.pdf>

Phần 3:

Các khía cạnh quan trọng của Bảo đảm chất lượng

Phần 3: Các khía cạnh quan trọng của Bảo đảm chất lượng

Quy trình chứng nhận bao gồm cấp chứng chỉ, chứng nhận hoặc danh sách kết quả học tập để chứng minh rằng ứng viên đã được đánh giá và xác nhận bởi một cơ quan có thẩm quyền theo tiêu chuẩn định sẵn. Trong quy trình này ứng viên đã học tập, thông qua hình thức học tập chính quy hoặc thông qua bối cảnh ít chính quy hơn như làm việc hoặc hoạt động cá nhân. Điểm mấu chốt trong định nghĩa này là:

- Kiến thức, kỹ năng và năng lực rộng hơn của cá nhân đã được đánh giá theo các tiêu chí như chuẩn đầu ra hoặc tiêu chuẩn năng lực
- Chứng chỉ được cấp bởi một cơ quan được công chứng tin tưởng và có năng lực, và
- Chứng chỉ được các bên khác trong thị trường lao động và/hoặc trong ngành giáo dục và đào tạo cao hơn tin tưởng

Nền tảng của sự tin tưởng này nằm ở các thỏa thuận về bảo đảm chất lượng của một cơ quan có thẩm quyền.

Các nguyên tắc trong bảo đảm chất lượng

Các hệ thống bảo đảm chất lượng có thể có nhiều nguyên tắc rõ ràng hoặc ngầm định biểu thị cho các quy trình được triển khai bởi các nhà làm chính sách và/hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Khung bảo đảm chất lượng GDNN cấp cao Đông Á (EAS TVET QAF, 2012) chỉ ra rằng bất kỳ cân nhắc nào về các nguyên tắc bảo đảm chất lượng của một hệ thống GDNN đều cần phản ánh được những nguyên tắc sau:

- *Minh bạch và trách nhiệm giải trình:*

Sự minh bạch và trách nhiệm giải trình là hai nguyên tắc quan trọng của việc quản trị tốt. Trách nhiệm giải trình đề cập đến yêu cầu về pháp lý và báo cáo trong khi sự minh bạch liên quan đến hoạt động báo cáo công khai phù hợp, rõ ràng, đáng tin cậy và kịp thời các quy trình và hiệu suất hoạt động.

- *Tương đồng:*

Nguyên tắc về tính tương đồng đề cập đến việc thừa nhận các biện pháp bảo đảm chất lượng có thể có khác biệt giữa các quốc gia và trong nội bộ hệ thống của một quốc gia. Tuy nhiên, các biện pháp này cần phải dựa trên các tiêu chuẩn và kỳ vọng tương quan với nhau.

- *Linh hoạt và khả năng đáp ứng:*

Nguyên tắc linh hoạt và khả năng đáp ứng đề cập đến các biện pháp bảo đảm chất lượng phải đủ linh hoạt để thúc đẩy sự đổi mới và linh hoạt trong việc cung ứng dịch vụ, và không được xây dựng hoàn toàn dựa trên mô hình tuân thủ hoặc trừng phạt.

- *Cân bằng và tích hợp:*

Nguyên tắc cân bằng và tích hợp đề cập đến các hệ thống bảo đảm chất lượng giúp cân bằng các tiêu chuẩn đã thiết lập và bảo vệ lợi ích của các bên liên quan, đồng thời khuyến khích cải tiến liên tục và đổi mới.

- *Liên tục và nhất quán:*

Nguyên tắc liên tục và nhất quán đề cập đến việc liên tục duy trì lòng tin của các bên liên quan và sự nhất quán trong thực tế áp dụng.

- *Tiêu chuẩn tối thiểu:*

Đề cập đến việc các hệ thống GDNN sử dụng hệ thống tiêu chuẩn đã thiết lập cho cả đầu vào và đầu ra.

- *Bảo đảm và cải thiện:*

Nguyên tắc bảo đảm và cải thiện chất lượng đề cập đến việc các hệ thống chất lượng bảo đảm các tiêu chuẩn và thúc đẩy cải thiện trong cung cấp dịch vụ và kết quả.

- *Độc lập:*

Thực hành quản trị tốt còn bao gồm nguyên tắc độc lập trong các quyết định và hành động, đồng thời tránh xung đột lợi ích.

- *Nguyên tắc hỗ trợ:*

Nguyên tắc hỗ trợ đề cập đến hoạt động bảo đảm chất lượng và việc ra quyết định gắn chặt chẽ với hoạt động cung cấp dịch vụ GDNN.

Tuy nhiên, mỗi AMS có trách nhiệm xác định các nguyên tắc nền tảng quan trọng thể hiện cho hoạt động bảo đảm chất lượng của hệ thống chứng nhận năng lực của mình. Vạch ra nguyên tắc trong tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh của các cơ quan có thẩm quyền, đưa ra tuyên bố công khai về chính sách và quyết định, và bảo đảm sự tham gia của các bên liên quan chủ chốt trong hoạt động định hướng chính sách sẽ hỗ trợ việc ban hành và trao đổi

Các yếu tố trong bảo đảm chất lượng

Các quốc gia có những kinh nghiệm khác nhau và cách tiếp cận khác nhau đối với việc bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, EAS TVET QAF (2012) chỉ ra rằng các yếu tố trong việc bảo đảm chất lượng GDNN thường bao gồm:

1. Sản phẩm GDNN sau khi đáp ứng được các tiêu chuẩn (như tiêu chuẩn giáo dục và/hoặc năng lực cũng như tiêu chuẩn chứng nhận bằng cấp)
2. Các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá thông qua các quy trình đánh giá³³ dựa trên cơ sở hạ tầng, chính sách tài chính, trình độ và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên, hệ thống quản lý, hệ thống phân phối và đánh giá, và các hệ thống hỗ trợ sinh viên của nhà cung cấp dịch vụ
3. Các quy trình GDNN thông qua hoạt động kiểm toán quy trình và kết quả của nhà cung cấp dịch vụ, bao gồm cả kết quả học tập và làm việc của học viên cũng như mức độ hài lòng của học viên và người sử dụng lao động
4. Kết quả của GDNN thông qua kiểm soát, giám sát hoặc theo dõi các quy trình và kết quả tốt nghiệp và đánh giá

³³Ở một số khu vực, quy trình chứng thực tính liêm khiết, năng lực và quy trình của nhà cung cấp dịch vụ đào tạo được gọi là 'đăng ký' hoặc 'kiểm định chất lượng'. Các quy trình phê duyệt này cũng mặc nhận khái niệm kiểm tra và phê chuẩn liên tục.

5. Đánh giá toàn hệ thống hoặc nhà cung cấp về chất lượng GDNN, bao gồm cả đánh giá của các cơ quan bên ngoài
6. Cung cấp thông tin công khai về hoạt động của nhà cung cấp, như việc hoàn thành chương trình và đơn vị, mức độ hài lòng của học viên và bên sử dụng lao động.

Tất cả những khía cạnh này không phải lúc nào cũng thuộc trách nhiệm của một cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi một quốc gia; tuy nhiên, phần lớn các chức năng liệt kê ở trên thuộc trách nhiệm của mỗi cơ quan có thẩm quyền. Các cơ quan có thẩm quyền liên quan đối với các yếu tố khác nhau phải chứng minh được rằng họ có sẵn:

- Các phương án quản trị hiệu quả. Quản trị có thể được hiểu là: "... tập hợp các trách nhiệm và thi hành, chính sách và quy trình, được thực hiện bởi giám đốc điều hành của một cơ quan, nhằm đưa ra định hướng chiến lược, bảo đảm đạt được mục tiêu, quản lý rủi ro và sử dụng các nguồn lực một cách có trách nhiệm và có trách nhiệm giải trình".³⁴
- Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho mọi chức năng của mình, ví dụ, phê duyệt bằng cấp hoặc khung chứng nhận năng lực, phê duyệt các nhà cung cấp dịch vụ đánh giá.
- Phương tiện để giải quyết khiếu nại các bên liên quan.

Cơ quan có thẩm quyền trong AMS cần xem xét cách thức hệ thống bảo đảm chất lượng của mình thể hiện sáu yếu tố được liệt kê ở trên, hoặc cách thức những yếu tố này được lồng ghép vào các hệ thống bảo đảm chất lượng được thiết kế lại hoặc mới xây dựng dành cho GDNN hoặc hệ thống chứng nhận năng lực.

1. Phát triển sản phẩm GDNN

Trong bất kỳ hệ thống GDNN nào, có nhiều tùy chọn để xây dựng các tiêu chuẩn thành tích của GDNN, bao gồm:

- Tiêu chuẩn năng lực diễn tả kiến thức, kỹ năng và/hoặc năng lực liên quan đến một công việc
- Tiêu chuẩn nghề nghiệp diễn tả hoạt động và công việc liên quan đến một việc làm cụ thể và thực tiễn thực hiện
- Tiêu chuẩn đánh giá diễn tả chuẩn đầu ra được đánh giá và phương pháp luận được sử dụng
- Tiêu chuẩn chứng nhận là những quy tắc để được cấp bằng và quyền kèm theo.
- Tiêu chuẩn giáo dục đề cập đến mục tiêu học tập, nội dung giảng dạy, yêu cầu đầu vào và nguồn lực cần thiết

Hệ thống GDNN của một quốc gia có thể sử dụng kết hợp các tiêu chuẩn này hoặc tập trung vào một hoặc hai tiêu chuẩn, ví dụ, tiêu chuẩn về năng lực hoặc nghề nghiệp. Các bên xây dựng tiêu chuẩn này có thể phải chịu trách nhiệm đối với một hoặc nhiều tiêu chuẩn, bao gồm:

- Các nhà cung cấp dịch vụ công
- Một hoặc nhiều cơ quan

³⁴Chính phủ Úc năm 2007, tr. 1.

- Các doanh nghiệp hoặc cơ quan trong ngành

Đối với những cơ quan có thẩm quyền tuân thủ theo *Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân*, tiêu chuẩn cấp văn bằng chứng chỉ được gọi là “khung chứng nhận”. Theo tiêu chuẩn ISO này, một khung chứng nhận bao gồm phạm vi chứng nhận, mô tả công việc và nhiệm vụ, năng lực yêu cầu, và điều kiện tiên quyết. Ngoài ra, Tiêu chuẩn ISO này đòi hỏi việc xây dựng khung chứng nhận phải có các chuyên gia phù hợp, điều kiện tiên quyết, phân tích công việc, hướng dẫn đánh giá và nội dung kiểm tra, và bất kỳ yêu cầu tái chứng nhận nào. Yêu cầu sau cùng này là sự khác biệt nội tại giữa các hệ thống bằng cấp và hệ thống chứng nhận năng lực theo *Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân*. Đối với những bên tuân thủ tiêu chuẩn ISO, còn có yêu cầu tái chứng nhận, theo đó yêu cầu này thường thuộc trách nhiệm của cơ quan cấp phép và/hoặc các hiệp hội hoặc cơ quan chuyên nghiệp, chứ không thuộc hệ thống bằng cấp. Đối với những cơ quan có thẩm quyền tuân thủ theo *Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân*, cần có sự xem xét đến sự cân bằng giữa trách nhiệm đánh giá và đánh giá lại và sự cân bằng của các kết quả đã biết đối với một nhóm quốc gia.

Trọng tâm chính của việc xây dựng tiêu chuẩn bảo đảm rằng các tiêu chuẩn này là phù hợp và mới nhất trong ngành. Bất kể tiêu chuẩn được sử dụng là gì, trong hệ thống GDNN, các bên phát triển sử dụng đại diện ngành công nghiệp tư nhân trong việc xây dựng các tiêu chuẩn, tài liệu hóa các tiêu chuẩn này trong một định dạng nhất quán, và bổ sung giai đoạn chứng thực vào quá trình này.

2. Phê duyệt nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá

Phê duyệt nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá là một trong những chức năng quan trọng của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, quy trình phê duyệt có thể là tự nguyện hoặc bắt buộc và giới hạn ở:

- Các nhà cung cấp tư nhân, đặc biệt khi việc phê duyệt nhà cung cấp khu vực công được mặc nhận
 - Các nhà cung cấp đơn thuần dịch vụ đánh giá, với các nhà cung cấp đào tạo nằm trong thị trường mở
- Yêu cầu phê duyệt có thể được lập văn bản trong các hướng dẫn, pháp luật hoặc quy định, hoặc các tiêu chuẩn chất lượng. Quy trình phê duyệt có thể bao gồm nộp bằng chứng quan trọng và/hoặc kiểm tra hoặc đánh giá nhóm.

Bên cạnh đó, có một số trường hợp trong hệ thống bằng cấp hoặc chứng nhận năng lực theo đó các dịch vụ đánh giá được tiếp tục phê duyệt cho các bên thuộc cấp độ là bên thứ ba, ví dụ, cho các tổ chức cá nhân hoặc trang web cá nhân. Việc áp dụng này có nhiều cách gọi khác nhau như bảo trợ, nhượng quyền thương hiệu hoặc thỏa thuận thuê ngoài.³⁵

³⁵ISO/IEC 17024:2012

Đối với một số quốc gia cho phép thực hiện phương án này, các yêu cầu có thể được nêu trong quy định hướng dẫn, hoặc tiêu chuẩn chất lượng. Ví dụ, ở Úc, yêu cầu này đã được nêu trong tiêu chuẩn chất lượng GDNN kể từ khi thiết lập, và hiện đã được lập thành văn bản trong luật.

Đối với những cơ quan có thẩm quyền tuân thủ theo *Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân*, quy trình thuê ngoài sẽ bao gồm thỏa thuận có hiệu lực pháp lý và cơ quan chứng nhận phải:

- Chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động thuê ngoài
- Bảo đảm cơ quan thực hiện công việc thuê ngoài có năng lực và phù hợp với yêu cầu
- Đánh giá và giám sát hoạt động của các cơ quan thực hiện công việc thuê ngoài này
- Lưu giữ hồ sơ chứng minh các cơ quan thực hiện công việc thuê ngoài đáp ứng được mọi yêu cầu
- Lưu giữ một danh sách các cơ quan thực hiện công việc thuê ngoài

3. Giám sát quy trình và hoạt động cung cấp GDNN

Việc giám sát quy trình và hoạt động cung cấp GDNN có thể bao gồm đánh giá dữ liệu chỉ số chất lượng (ví dụ tỷ lệ giới tính, tỷ lệ giáo viên học viên, kết quả thông qua việc kiểm tra hoạt động đánh giá học viên cũng như tiến trình cấp bằng và tỷ lệ hoàn thành, kết quả lao động, sự hài lòng của người dùng, học tập sâu hơn) và kiểm tra hoặc xem xét các phương pháp luận của hệ thống quản lý và việc thực hiện của nhà cung cấp. Hoạt động đánh giá kiểm tra có thể được thực hiện trên cơ sở chu kỳ, với tùy chọn gồm các chu kỳ khác nhau dành cho các nhà cung cấp khác nhau. Hoạt động kiểm tra có thể được xếp lịch thực hiện theo những cách khác nhau, ví dụ, kiểm tra một lần hoặc kiểm tra sau khi có thông báo trước trong thời gian ngắn.

Cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn rõ ràng về:

- Dữ liệu được thu thập, bao gồm tiêu chuẩn về dữ liệu
- Tiêu chí chất lượng hoặc tiêu chuẩn đối với dịch vụ đánh giá của nhà cung cấp (có thể bao gồm cả dịch vụ đào tạo) có thể kiểm tra
- Bố trí giám sát, và danh mục đăng ký các hành động thực hiện đối với các nhà cung cấp hoạt động kém, ví dụ, biện pháp trừng phạt và đóng cửa

4. Kết quả của GDNN thông qua kiểm soát, giám sát hoặc theo dõi các quy trình và kết quả tốt nghiệp và đánh giá

Có thể có nhiều cách tiếp cận để bảo đảm chất lượng đánh giá và mỗi AMS có thể thực hiện các phương pháp tiếp cận này theo nhiều cách khác nhau, bao gồm:

- Kiểm soát hoạt động đánh giá:
 - o Công cụ đánh giá được xây dựng tập trung và hoạt động đánh giá được quản lý tập trung
 - o Công cụ đánh giá được xây dựng tập trung, hoạt động đánh giá được quản lý kiểu RTO (Cơ sở đào tạo đã đăng ký hoạt động) nhưng được đánh giá ngoài

o Kết hợp giữa đánh giá được xây dựng và quản lý bên ngoài với đánh giá được xây dựng và quản lý kiểu RTO

- Giám sát các quyết định đánh giá:
 - o Thu thập tập trung các đánh giá và quyết định đánh giá
 - o Nhà cung cấp dịch vụ tự giám sát và báo cáo
- Quản lý đánh giá viên:
 - o Tiêu chí về tính phù hợp và phát triển chuyên môn của đánh giá viên
 - o Đăng ký đánh giá viên
 - o Cấp lại chứng nhận đánh giá viên

Cuối cùng, quy trình cấp chứng chỉ hoặc bằng cấp có thể khác nhau:

- Cơ quan chứng nhận/cấp bằng cấp phát chứng chỉ hoặc bằng cấp
 - Cơ quan chứng nhận/cấp bằng cấp chấp thuận cho nhà cung cấp dịch vụ cấp thay mặt cơ quan này phát văn bằng; với kết quả của sinh viên được lưu giữ tại nhà cung cấp hoặc tại cơ quan cấp bằng
 - Cơ quan chứng nhận/cấp bằng cấp chấp thuận cho nhà cung cấp dịch vụ cấp bằng hoặc chứng chỉ
- Đối với những cơ quan tuân thủ theo *Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân*, tiêu chuẩn này đòi hỏi:
- Phải có phương pháp và cơ chế đánh giá được văn bản hóa, đáp ứng được các nhu cầu đặc biệt, bảo đảm việc đánh giá tuân thủ nguyên tắc về giá trị và độ tin cậy
 - Phải thiết lập yêu cầu đối với đánh giá viên cùng quy trình phê duyệt và giám sát hoạt động của đánh giá viên
 - Phải có trách nhiệm cấp chứng chỉ và bảo đảm có đủ bằng chứng để cấp chứng chỉ có liên quan.³⁶

Cơ quan có thẩm quyền cần có quy trình được lập thành văn bản rõ ràng đối với các quá trình liên quan đến việc bố trí giám sát, đánh giá và cấp bằng.

5. Đánh giá chất lượng GDNN

Bất kỳ hệ thống GDNN nào đều có nhu cầu về cạnh tranh và khách hàng trung thành, và các cơ quan cần có khả năng xem xét và phản ánh một cách khách quan về hệ thống, xác định và báo cáo các vấn đề thiếu hiệu quả. Một số nước đã thiết lập một cơ quan tham mưu cho các bộ trưởng cấp cao về các vấn đề (hoặc mỗi quan ngại) ở cấp độ quốc gia liên quan đến hệ thống đào tạo của đất nước.

Các đánh giá đòi hỏi phải có khả năng yêu cầu hoặc lưu giữ dữ liệu chi số chất lượng, cung cấp báo cáo và thông tin cho các bộ có liên quan và các cơ quan khác. Đánh giá chất lượng GDNN ở cấp độ hệ thống cung cấp cho các bên liên quan thông tin về việc liệu chính sách GDNN có đang đáp ứng mục tiêu hoặc nhu cầu quốc gia hoặc ngành nghề hay không. Việc đánh giá có thể được thực hiện bằng cách sử dụng

³⁶Đây được gọi là truy xuất nguồn gốc.

các cơ quan bên ngoài. Cơ quan có thẩm quyền cần có khả năng lập báo cáo tóm tắt giới thiệu về các kết quả chung của hoạt động kiểm tra, đánh giá.

6. Cung cấp thông tin công khai

Đối với một cơ quan có thẩm quyền, tính minh bạch là nguyên tắc quan trọng của việc quản trị tốt. Việc cung cấp thông tin công khai về cả hoạt động của cơ quan và về hoạt động của nhà cung cấp dịch vụ tạo niềm tin vào các hệ thống bảo đảm chất lượng.

Cơ quan có thẩm quyền có thể báo cáo hoạt động thông qua nhiều chiến lược khác nhau, như báo cáo thường niên, danh mục đăng ký các hoạt động đối với nhà cung cấp, và cập nhật trên trang web. Ngoài ra, đối với những cơ quan tuân thủ theo *Tiêu chuẩn ISO/EC 17024:2012 về Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân*, tiêu chuẩn này đòi hỏi phải cung cấp thông tin công khai liên quan đến quy trình chứng nhận, phạm vi của khung chứng nhận và các yêu cầu đầu vào của khung chứng nhận.

Dữ liệu chỉ số chất lượng

Hoạt động bảo đảm chất lượng của GDNN phần lớn phụ thuộc vào tính sẵn có, giá trị pháp lý, độ tin cậy của dữ liệu về thực hành và kết quả của GDNN (EAS TVET QAF 2012). Để có thể theo dõi hoạt động và cung cấp báo cáo mang tính đánh giá chủ yếu dựa vào hệ thống có cơ chế thu thập dữ liệu hiệu quả và có tiêu chuẩn dữ liệu.

Nhìn chung, các chỉ số về chất lượng có xu hướng được phân loại theo đầu vào và đầu ra. EAS TVET QAF (2012) nêu rõ các chỉ số đầu vào bao gồm:

- chứng thực của ngành, các nhóm chuyên môn và nghề nghiệp có liên quan và cấp độ tiêu chuẩn thành tích GDNN
- chứng thực của các nhà cung cấp về chất lượng và tiện ích sử dụng của tiêu chuẩn thành tích TVET
- thông tin về năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên cung cấp dịch vụ, tính hiệu quả của hệ thống quản lý và tài chính, chất lượng và tính phù hợp của cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà cung cấp;
- thông tin về nội dung, nét đặc trưng và chất lượng cung cấp dịch vụ của các nhà cung cấp GDNN
- thông tin về dịch vụ, cơ sở vật chất và hệ thống hỗ trợ học viên của nhà cung cấp
- thông tin về yêu cầu đầu vào tuyển sinh và thủ tục
- mô hình tuyển sinh liên quan đến mục tiêu chính sách
- đầu tư của các nhà cung cấp GDNN và nhân viên trong công tác phát triển chuyên môn, nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống bảo đảm chất lượng và các đổi mới khác
- trình độ tuyển sinh và các mô hình dành cho nhà cung cấp
- tính toàn diện, tính phù hợp và khả năng tiếp cận các hệ thống thông tin; và,

- cơ chế để xác định lĩnh vực và các loại kỹ năng cần thiết cho ngành công nghiệp.’(tr.18-19)

Chỉ số đầu ra được ghi nhận như sau:

- kết quả đánh giá và kết quả kiểm định đánh giá dành cho các đơn vị năng lực và trình độ
- hồ sơ về cung cấp chương trình, hoạt động của học viên và hoạt động đánh giá học viên
- tỷ lệ hoàn thành khóa học của học viên, mức độ hài lòng, và các kết quả cuối cùng – bao gồm cả tỷ lệ việc làm và tỷ lệ dành cho các nhóm trong ngành/nghề nghiệp và xã hội khác
- thông tin về việc sử dụng các kỹ năng trong phạm vi nơi làm việc
- sự hài lòng của bên sử dụng lao động và người sử dụng khác đối với kết quả tốt nghiệp, và
- bằng chứng về tính chính xác của hệ thống thông tin, hệ thống xác định nhu cầu kỹ năng và bằng chứng về việc xác định nhu cầu của các nhóm dễ tổn thương và/hoặc các nhóm xã hội khác (tr. 19).

Cơ quan có thẩm quyền cần có sẵn chiến lược để thu thập dữ liệu theo một tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất để cho phép thực hiện chức năng đánh giá và báo cáo.

Các khung quốc tế

Khung AQRF đòi hỏi AMS khi tham chiếu để mô tả (các) hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia cho giáo dục và đào tạo phải tham khảo khung hoặc hệ thống trình độ quốc gia. Khung này đề xuất ba khung bảo đảm chất lượng có thể được sử dụng làm tiêu chuẩn so sánh trong quy trình tham chiếu:

- Khung bảo đảm chất lượng ASEAN
- Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS TVET QAF)
- Hướng dẫn thực hành tốt trong bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế về giáo dục đại học (INQAAHE).

Khung bảo đảm chất lượng ASEAN đóng vai trò như một điểm tham chiếu chung cho các cơ quan bảo đảm chất lượng và các cơ sở giáo dục đại học khi hướng tới sự hài hòa giữa sự đa dạng của các hệ thống giáo dục đại học, nền văn hóa và truyền thống trong khu vực. Khung này sử dụng các nguyên tắc và tuyên bố chung về thực hành tốt.

Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS TVET QAF) cung cấp cơ sở để hỗ trợ các nền kinh tế của thành viên trong việc rà soát hoặc thiết lập hệ thống bảo đảm chất lượng hiệu quả. Khung này có một công cụ tự đánh giá cũng bao gồm một quy trình theo từng bước để xây dựng kế hoạch hành động.

Hướng dẫn thực hành tốt trong bảo đảm chất lượng INQAAHE đặt mục tiêu thúc đẩy thực hành tốt trong bảo đảm chất lượng nội bộ và/hoặc bên ngoài. Hướng dẫn này được thiết kế để được sử dụng bởi tất cả các cơ quan bảo đảm chất lượng, dù đang ở bất kỳ giai đoạn phát triển nào.

Thông tin khác về ba khung này có trong Phụ lục.

Trao đổi quốc tế

Như trong bất kỳ hệ thống nào, việc cung cấp thông tin minh bạch và rõ ràng về các quy trình bảo đảm chất lượng của các cơ quan có thẩm quyền cho các bên khác, cả trong nước và quốc tế, là điều rất quan trọng để thúc đẩy sự hiểu biết và tin cậy đối với các hệ thống GDNN của AMS.

Phạm vi của các thông tin mà cơ quan có thẩm quyền của AMS cần xem xét được đề cập trên các trang web, bằng cả ngôn ngữ quốc gia và bằng tiếng Anh:³⁷

- Pháp luật liên quan đến cơ quan chứng nhận và vai trò của cơ quan này; bất kỳ luật hoặc quy định, hướng dẫn nào liên quan đến các quy trình chủ chốt
- Khung kỹ năng và mối liên kết của khung này với NQF (nếu có)
- Khung chứng nhận (hoặc khung trình độ), tiêu chuẩn đào tạo liên quan và bất cứ yêu cầu cấp lại văn bằng chứng chỉ
- Chiến lược bảo đảm chất lượng được văn bản hóa trong các hướng dẫn hoặc tổng quan, bao gồm cả quy trình xây dựng và phê duyệt các khung chứng nhận, quy trình chấp thuận nhà cung cấp đào tạo và/hoặc đánh giá, các phương án bố trí về giám sát
- Danh mục đăng ký nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá, địa điểm đánh giá thuê ngoài bổ sung, và đánh giá viên (nếu có)
- Báo cáo dữ liệu và hoạt động, gồm cả biện pháp trừng phạt hoặc đóng cửa
- Báo cáo đánh giá hệ thống GDNN

Ngoài ra, các mối liên kết với dữ liệu thị trường lao động và quy trình công nhận dành cho lao động quốc tế hay tình hình lưu động của sinh viên cũng có thể được đưa vào thông tin công khai.

³⁷Là ngôn ngữ chính thức của ASEAN.

Phần 4:

Nguyên tắc hướng dẫn và quy trình dành cho
bảo đảm chất lượng

Phần 4: Nguyên tắc hướng dẫn và quy trình dành cho bảo đảm chất lượng

Các nước thành viên ASEAN (AMS) sẽ triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng dành cho GDNN của mình bằng cách sử dụng các cách tiếp cận khác nhau và với mức độ thực hiện khác nhau. Để tạo điều kiện hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau trong các cách tiếp cận bảo đảm chất lượng GDNN của mỗi nước thành viên ASEAN, một hệ thống các nguyên tắc và quy trình chung đã được thống nhất dành cho:

- Cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm sau cùng về tất cả hoặc một số khía cạnh trong hệ thống chứng nhận năng lực. Cơ quan có thẩm quyền có thể là cơ quan về trình độ, cơ quan chịu trách nhiệm trong xây dựng/chứng nhận tiêu chuẩn nghề, cơ quan cấp bằng hoặc cơ quan chứng nhận năng lực.
- Nhà cung cấp dịch vụ đánh giá. Nhà cung cấp là những bên cung cấp dịch vụ đánh giá (và có thể là các dịch vụ đào tạo) và cũng có thể là một cơ quan cấp bằng hoặc là cơ quan chứng nhận năng lực.

Cơ quan có thẩm quyền

1. Nguyên tắc hướng dẫn dành cho các cơ quan có thẩm quyền

Các nguyên tắc sau cũng có cho các quy trình rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng được sử dụng riêng và chung bởi mỗi cơ quan có thẩm quyền.

Quản trị

Cơ quan có thẩm quyền đã lập văn bản rõ ràng đối với hoạt động quản trị trong đó quy định trách nhiệm và việc thực hiện, chính sách và quy trình thủ tục, được thực hiện bởi giám đốc điều hành của một cơ quan, nhằm đưa ra định hướng chiến lược, bảo đảm đạt được mục tiêu, quản trị rủi ro và sử dụng các nguồn lực một cách có trách nhiệm.

Trách nhiệm giải trình

Cơ quan có thẩm quyền có một khung pháp lý hoặc báo cáo để đánh giá hoạt động thực tiễn và hiệu suất của cơ quan đó theo tiêu chuẩn đề ra. Cơ quan có thẩm quyền phải bảo đảm kết quả của các hoạt động rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng được báo cáo công khai ít nhất mỗi năm một lần.

Minh bạch

Cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin chính xác và rõ ràng liên quan đến các chức năng chính của cơ quan này, bao gồm cả các quy trình, tiêu chuẩn và hiệu suất hoạt động.

Độc lập

Cơ quan có thẩm quyền có chí thị, hướng dẫn, quy trình và thực tiễn bảo đảm tính độc lập của các yếu tố khác nhau trong hệ thống bảo đảm chất lượng, tránh xung đột lợi ích, và bảo đảm tính độc lập của việc ra

quyết định.

Độ tin cậy và tiêu chuẩn

Cơ quan có thẩm quyền có các quy trình và thực tiễn để tạo niềm tin cho bên liên quan rằng các tiêu chuẩn (cả đầu vào và đầu ra) đã được đáp ứng.

Cải tiến liên tục

Phương pháp tiếp cận trong hoạt động bảo đảm chất lượng của cơ quan có thẩm quyền phải bảo đảm sử dụng các chiến lược một cách hài hòa giúp cải thiện dịch vụ cung ứng để đáp ứng nhu cầu luôn biến đổi và nhu cầu sau này các nhóm bên liên quan.

Cân xứng

Cơ quan có thẩm quyền có các phương pháp tiếp cận trong rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng phù hợp với mục đích và phân ánh bối cảnh và sự đa dạng của AMS.

Tính linh hoạt của dịch vụ

Cơ quan có thẩm quyền bảo đảm có sẵn các quy trình trên phạm vi toàn quốc để tạo điều kiện cho các dịch vụ đánh giá hoặc các quy trình công nhận dành cho các ứng viên quốc gia hoặc quốc tế.

Điều hợp

Cơ quan có thẩm quyền phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền khác, ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

2. Quy trình hướng dẫn dành cho các cơ quan có thẩm quyền

Cơ quan có thẩm quyền tuân thủ các quy trình sau trong quản lý hoạt động rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng.

1. Cơ quan có thẩm quyền lập văn bản và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện mọi chức năng của mình, bao gồm:
 - Phê duyệt và giám sát các tiêu chuẩn thành tích khi tham gia vào ngành công nghiệp
 - Phê duyệt, giám sát³⁸ và đánh giá các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn
 - Giám sát kết quả đánh giá
 - Cấp giấy chứng nhận
 - Quản lý hồ sơ bao gồm cả tiêu chuẩn dữ liệu
 - An ninh dữ liệu

³⁸Hoạt động giám sát có thể bao gồm: báo cáo kết quả học viên và/hoặc thu thập và phân tích dữ liệu phản hồi của các bên liên quan; giám sát; kiểm toán v.v.

- Thuê ngoài³⁹
 - Giải quyết khiếu nại
 - Nghĩa vụ báo cáo
 - Cải tiến liên tục và đánh giá nội bộ.
2. Cơ quan có thẩm quyền công khai các quy trình bảo đảm chất lượng, bằng ngôn ngữ quốc gia và tiếng Anh.
 3. Cơ quan có thẩm quyền phải quản lý hoạt động của các nhà cung cấp dịch vụ đánh giá thông qua các cơ chế như thưởng phạt phân minh.
 4. Cơ quan có thẩm quyền duy trì danh mục đăng ký các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá đã được phê chuẩn, và danh mục tiêu chuẩn thành tích như khung chứng nhận năng lực hay bằng cấp.
 5. Cơ quan có thẩm quyền thiết lập các quy trình để trao đổi quốc tế, bao gồm cả cam kết duy trì liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia và quốc tế, cũng như tham gia các diễn đàn quốc tế, các cuộc giao lưu phát triển năng lực và hoạt động đối sánh.
 6. Cơ quan có thẩm quyền cam kết tiến hành đánh giá bên ngoài về hoạt động của mình trên cơ sở định kỳ và công khai kết quả đánh giá.

³⁹Các hệ thống trình độ hoặc khung chứng nhận năng lực theo đó các dịch vụ đánh giá được tiếp tục phê duyệt cho các bên thuộc cấp độ là bên thứ ba, ví dụ, cho các tổ chức cá nhân hoặc trang mạng cá nhân. Áp dụng này có nhiều cách gọi khác nhau như báo trợ, nhượng quyền thương hiệu hoặc thỏa thuận thuê ngoài.

Nhà cung cấp dịch vụ đánh giá

1. Nguyên tắc hướng dẫn dành cho nhà cung cấp

Các nguyên tắc sau cùng có cho các quy trình rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng được sử dụng bởi từng nhà cung cấp dịch vụ đánh giá, ví dụ, nhà cung cấp dịch vụ đánh giá, hoặc nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và đánh giá.

Quản trị

Nhà cung cấp lập văn bản rõ ràng về mục đích và mục tiêu, phương án quản trị và các biện pháp liên khiết để đáp ứng yêu cầu và quy định của cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

Nhà cung cấp cần có nguồn tài chính cần thiết cho hoạt động của mình.

Trách nhiệm giải trình

Nhà cung cấp giám sát và đánh giá thực tiễn và hoạt động của mình theo các yêu cầu được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền đồng thời lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng. Nhà cung cấp bảo đảm kết quả của các hoạt động rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng được báo cáo công khai.

Tính minh bạch

Nhà cung cấp có thông tin chính xác và rõ ràng liên quan đến các dịch vụ đánh giá và hỗ trợ dành cho khách hàng.

Độc lập

Nhà cung cấp bảo đảm cung cấp dịch vụ (ví dụ dịch vụ đánh giá) mà không thiên vị, tránh xung đột lợi ích và bảo đảm tính độc lập khi ra quyết định, đặc biệt là các quyết định về kết quả đánh giá.

Niềm tin và tiêu chuẩn

Nhà cung cấp có các quy trình và thực tiễn bảo đảm các dịch vụ mà nhà cung cấp hoặc đại diện của họ cung cấp đáp ứng được tiêu chuẩn và kỳ vọng theo quy định. Các quy trình và thực tiễn hoạt động của nhà cung cấp cần bảo đảm với cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan rằng các tiêu chuẩn thành tích cá nhân đã được đáp ứng.

Cải tiến liên tục

Các quy trình và thực tiễn hoạt động của nhà cung cấp có sự cân bằng giữa yêu cầu tuân thủ và quy trình cải thiện không ngừng để bảo đảm dịch vụ của họ đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và khách hàng.

Cân xứng

Phương pháp tiếp cận trong rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng của nhà cung cấp phù hợp với mục

đích và chú trọng vào khâu bảo đảm kết quả có chất lượng.

Tính linh hoạt của dịch vụ

Nhà cung cấp bảo đảm giảm thiểu rào cản đối với dịch vụ đánh giá cung cấp cho các ứng viên quốc gia hoặc quốc tế.

2. Quy trình hướng dẫn dành cho nhà cung cấp

Nhà cung cấp tuân thủ các quy trình sau trong quản lý hoạt động rà soát chất lượng và bảo đảm chất lượng.

1. Nhà cung cấp lập văn bản và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để bảo đảm cung cấp các dịch vụ đánh giá có chất lượng, bao gồm:
 - Bảo đảm có nguồn lực đánh giá thích hợp, nguồn lực vật chất phù hợp với các khung chứng nhận năng lực
 - Bảo đảm mức độ phù hợp của đội ngũ nhân viên có thẩm quyền trong dịch vụ đánh giá, bao gồm cả phát triển chuyên môn
 - Bảo đảm có dịch vụ hỗ trợ thích hợp dành cho ứng viên được đánh giá
 - Có dịch vụ giám sát thông qua phản hồi của khách hàng và bên liên quan
 - Kết quả đánh giá có giá trị và đáng tin cậy
 - Cấp bằng hoặc chứng chỉ (nếu có)
 - Quản lý hồ sơ
 - An ninh dữ liệu
 - Bố trí thuê ngoài
 - Giải quyết khiếu nại của khách hàng
 - Nghĩa vụ báo cáo
 - Cải tiến không ngừng và đánh giá nội bộ.
2. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm đối với mọi dịch vụ đánh giá được thực hiện trên danh nghĩa của nhà cung cấp. Nhà cung cấp duy trì một danh mục đăng ký các học khu, trung tâm đánh giá hoặc địa điểm của nhà cung cấp và công khai thông tin về hoạt động của các cơ sở này.
3. Nhà cung cấp thực hiện các chiến lược công bằng và tiếp cận khách hàng khi cung cấp dịch vụ, bao gồm, yêu cầu tuyển sinh, hỗ trợ khách hàng khuyết tật trong quá trình học tập và/hoặc đánh giá, công nhận kết quả học tập trước đó,⁴⁰ và công nhận các đánh giá được thực hiện bởi các nhà cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng khác hoặc của cơ quan có thẩm quyền.
4. Nhà cung cấp áp dụng các quy trình và thực tiễn để bảo đảm các quyết định đưa ra là công bằng và không gây xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng không đáng có.

⁴⁰Còn được gọi là công nhận năng lực hiện tại.

5. Nhà cung cấp áp dụng các quy trình thủ tục để giảm thiểu rào cản đối với các dịch vụ đánh giá bao gồm cả việc cung cấp dịch vụ các đánh giá đều đặn, và có lệ phí hợp lý và minh bạch cũng như không hạn chế việc tiếp cận, hoặc cung ứng, dịch vụ.
6. Nhà cung cấp thiết lập các quy trình để duy trì liên lạc với cơ quan có thẩm quyền và các nhà cung cấp khác, đồng thời tham gia các hoạt động đối sánh và/hoặc điều tiết đánh giá.
7. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm duy trì tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng. Nhà cung cấp có phương pháp tiếp cận trong hoạt động cải tiến không ngừng đối với các dịch vụ đánh giá của mình. Nhà cung cấp phải tổ chức thanh tra bên ngoài hoạt động của mình, và phải công khai kết quả thanh tra đó.

Mục 5:

Nguyên tắc hướng dẫn và quy trình dành cho các Hệ thống chứng nhận năng lực giữa các nước thành viên ASEAN

Mục 5: Nguyên tắc hướng dẫn và quy trình dành cho các Hệ thống chứng nhận năng lực giữa các nước thành viên ASEAN

Cách thức các cơ quan có thẩm quyền ở từng quốc gia bảo đảm chất lượng cho GDNN là rất khác nhau. Ngày càng có nhiều áp lực đến từ sự dịch chuyển của học viên và người lao động, từ sự tham gia của ASEAN vào Khu vực mậu dịch tự do, bao gồm cả các lời kêu gọi mở rộng thỏa thuận công nhận lẫn nhau cũng như tạo điều kiện công nhận sinh viên và lao động có kỹ năng xuyên biên giới truyền thống. Những áp lực này hình thành nhu cầu buộc các cơ quan có thẩm quyền phải mở rộng hiểu biết của mình về cách thức các quốc gia bảo đảm chất lượng cho GDNN, về việc so sánh các kỳ vọng, về việc liên lạc với cơ quan có thẩm quyền khác trong AMS, và về việc công nhận cơ quan có thẩm quyền khác trong AMS.

Hiện nay, một số cơ quan có thẩm quyền trong AMS đã có các biên bản ghi nhớ (MOU) với các cơ quan khác và đã phối hợp để gia tăng đối thoại giữa AMS. Trên cơ sở là một nhóm, AMS đặt mục tiêu cung cấp một cấu trúc chung và tạo tính nhất quán nhất định trong thực tiễn công nhận các hệ thống chứng nhận năng lực, và sau đó là các cơ quan có thẩm quyền. Tuy vậy, điều này không có nghĩa là các khung chứng nhận năng lực cụ thể sẽ tự động được công nhận hoặc cá nhân được đánh giá và chứng nhận bởi một cơ quan có thẩm sẽ tự động được công nhận bởi một cơ quan có thẩm quyền khác. Ý nghĩa ở đây là các đánh giá hoặc công việc được thực hiện bởi một cơ quan có thẩm quyền sẽ được thừa nhận và các cá nhân có thể cần phải được đánh giá bổ sung để được công nhận chính thức, để được cấp phép hoặc cho các mục đích chuyên môn.

Nguyên tắc hướng dẫn về công nhận

Các nguyên tắc sau cùng có cho việc công nhận các hệ thống chứng nhận năng lực:

Chủ quyền

Các nước thành viên tôn trọng cơ cấu và quy trình bảo đảm chất lượng cụ thể của mỗi quốc gia tương ứng với các ưu tiên của quốc gia.

Tính tương đồng

Các nước thành viên sử dụng các chuẩn so sánh để xác định tính tương đồng của các hệ thống bảo đảm chất lượng chứ không hẳn là tìm kiếm hoặc mặc nhận sự tương đồng của các cơ cấu và quy trình. Các hệ thống bảo đảm chất lượng cần linh hoạt thích ứng với sự phát triển quốc gia và toàn cầu và phải nhất quán trong cách áp dụng theo thời gian để cho phép so sánh và tăng cường sự tin cậy.

Tính minh bạch

Các nước thành viên thúc đẩy tính minh bạch của các tiêu chuẩn và biện pháp về chất lượng của mình,

cũng như kết quả đối sánh hoặc các quy trình tham chiếu.

Trách nhiệm giải trình

Các nước thành viên khuyến khích việc đánh giá và báo cáo hoạt động của cơ quan có thẩm quyền theo các chuẩn so sánh được quốc tế thống nhất⁴¹. Hoạt động đánh giá bao gồm tham vấn các đối tác và bên liên quan, cuối cùng là lập báo cáo công khai.

Cải tiến liên tục

Các nước thành viên tôn trọng mức độ áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng của một quốc gia trên tinh thần hiểu biết rằng các hệ thống này dựa trên một phương pháp tiếp cận được cải tiến liên tục.

Quy trình hướng dẫn về công nhận

Để bảo đảm quy trình công nhận hệ thống chứng nhận năng lực được thực hiện một cách hiệu quả, minh bạch và theo một cách nhất quán và chặt chẽ trong AMS, các quy trình sau đây đã được thống nhất:

1. Mỗi cơ quan có thẩm quyền AMS tham gia đồng ý với chuẩn so sánh để đánh giá hệ thống chứng nhận năng lực của một AMS.
2. Cấu trúc của hệ thống chứng nhận năng lực trong mỗi AMS được mô tả theo chuẩn so sánh đã thống nhất này.
3. Cơ sở pháp lý và trách nhiệm của từng cơ quan có thẩm quyền liên quan được vạch ra. Nếu có nhiều hơn một cơ quan có thẩm quyền trong AMS, mối quan hệ sẽ được giải thích.
4. Đối với mỗi khung chứng nhận năng lực có liên quan, sẽ có sự liên hệ rõ ràng và có thể minh chứng với các mô tả cấp độ (nếu có) của hệ thống chứng nhận năng lực thuộc AMS tham gia. Các mối liên hệ với NQF (nếu có) và mô tả bậc trong AQRF sẽ được giải thích.
5. Các phương pháp tiếp cận bảo đảm chất lượng của từng cơ quan có thẩm quyền liên quan được đối sánh theo các tiêu chí đã thống nhất. Các tiêu chí quy định trong chuẩn so sánh đã thống nhất sẽ là cơ sở của hoạt động này. Ví dụ:
 - Đối với mỗi cơ quan có thẩm quyền, quy trình thủ tục phê duyệt khung chứng nhận năng lực và phê duyệt, giám sát các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo và/hoặc đánh giá sẽ được vạch ra.
 - Tiêu chí về quản lý và giám sát đánh giá viên và các quyết định đánh giá.
6. Hoạt động này được thực hiện chung và bao gồm những người tham gia độc lập có kinh nghiệm trong khâu bảo đảm chất lượng đối với khung chứng nhận năng lực.
7. Quy trình này xây dựng một báo cáo được thống nhất duy nhất, bao gồm:
 - Thiết lập quy trình thực hiện, nêu rõ kết quả của hoạt động công nhận, cấp độ tương đồng đã xác định được, và cấp độ công nhận đã được thống nhất

⁴¹Hướng dẫn INQAAHE, EAS TVET QAF, Khung đảm bảo chất lượng ASEAN

- Các hoạt động nhằm tìm ra sự tương đồng hơn nữa giữa các hệ thống chứng nhận năng lực AMS tham gia được lập thành văn bản và được các bên thống nhất.
 - Nếu hoạt động công nhận có mức độ tương đồng cao, mỗi cơ quan có thẩm quyền cam kết công khai thừa nhận quy trình công nhận đó.
8. Báo cáo công nhận được công bố trong từng AMS tham gia. Báo cáo cập nhật được cung cấp theo yêu cầu.

Phần 6:

Tham gia hoạt động tham chiếu quốc gia

Phần 6: Tham gia hoạt động tham chiếu quốc gia

Thông tin chung

Khung AQRF là khung tham chiếu chung cho khu vực. AQRF có chức năng như một công cụ giúp so sánh các trình độ của các nước thành viên ASEAN - AMS.

Quy trình tham chiếu là một quá trình quốc gia mang tính tự chủ, theo đó, các bên liên quan và các cấp chính quyền ở cấp quốc gia thống nhất về một mối liên kết giữa từng bậc trình độ quốc gia và một bậc trong AQRF. Mối liên kết giữa bậc trình độ quốc gia và một bậc trong AQRF là kết quả của quy trình tham chiếu và cho phép tạo mối liên kết xa hơn nữa, thông qua AQRF, với các bậc trình độ trong AMS khác. Ví dụ, nó sẽ cho thấy tất cả các bậc ở cấp quốc gia có liên quan đến một bậc AQRF cụ thể và giúp so sánh được các trình độ của các quốc gia khác nhau có liên kết với cùng bậc của AQRF.

Cụ thể, quy trình tham chiếu dự kiến sẽ bao gồm các bên tham vấn về các liên kết được đề xuất giữa các bậc NQF và AQRF ở mỗi quốc gia thành viên, báo cáo kết quả tham chiếu quốc gia cho Ủy ban AQRF được đề xuất, tham gia bình duyệt với Ủy ban và cuối cùng là báo cáo một liên kết chính thức của NQF quốc gia thành viên với AQRF. Quá trình này có khả năng tương đối phức tạp và liên quan đến hoạt động kỹ thuật có quy mô chính trị xã hội quan trọng.

Để bảo đảm quy trình được tiến hành hiệu quả, minh bạch và theo phương thức nhất quán trong cộng đồng ASEAN, AQRF bao gồm 11 tiêu chí đã được thống nhất nhằm thúc đẩy một quy trình chung. Các tiêu chí được liệt kê dưới đây.

1. Mô tả được cấu trúc của hệ thống giáo dục và đào tạo.
2. Trách nhiệm và cơ sở pháp lý của tất cả các cơ quan quốc gia có liên quan trong quá trình tham chiếu được xác định rõ ràng và được công bố bởi cơ quan công quyền chính chịu trách nhiệm về quá trình tham chiếu.
3. Quy trình đưa các văn bằng trình độ vào khung trình độ quốc gia hoặc để mô tả vị trí của bằng cấp trong hệ thống trình độ quốc gia là minh bạch.
4. Có mối liên kết rõ ràng, dễ giải thích giữa các cấp độ trình độ trong khung hoặc trong hệ thống với các bộ mô tả cấp độ của AQRF.
5. Mô tả cơ sở trong các tiêu chuẩn của khung quốc gia đã được thống nhất hoặc hệ thống trình độ và văn bằng trình độ của hệ thống đó.
6. Mô tả sự liên quan giữa (các) hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia về giáo dục và đào tạo với khung hoặc hệ thống trình độ quốc gia. Tất cả các cơ quan chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng phải nêu rõ sự hỗ trợ minh bạch của mình đối với kết quả tham chiếu.
7. Quá trình tham chiếu phải được sắp xếp bởi cơ quan công quyền chính và được các bên liên quan trong hệ thống trình độ xác nhận.

8. Những cá nhân từ các quốc gia khác đã từng có kinh nghiệm trong lĩnh vực trình độ tham gia vào quá trình tham chiếu và báo cáo tham chiếu.
9. Một báo cáo toàn diện, nêu rõ việc tham chiếu và bằng chứng hỗ trợ sẽ được các cơ quan quốc gia có thẩm quyền công bố, đề cập riêng rẽ và theo thứ tự các tiêu chuẩn tham chiếu.
10. Kết quả tham chiếu sẽ được Ban Thư ký ASEAN và cơ quan công quyền quốc gia công bố.
11. Sau quá trình tham chiếu, tất cả các cơ quan chứng nhận và cấp văn bằng chứng chỉ đều được khuyến khích đưa ra một tham chiếu rõ ràng đối với bậc AQRF phù hợp cho các chứng chỉ trình độ mới và văn bằng được cấp.

AQRF trang bị một ngôn ngữ chung để sử dụng trong quá trình tham chiếu và giúp các nước hiểu rõ các hệ thống chứng nhận năng lực và trình độ của của nhau. Các cơ quan có thẩm quyền cần phải cung cấp liên kết giữa các thuật ngữ được sử dụng trong hệ thống chứng nhận năng lực và của AQRF khi họ tham gia vào quy trình tham chiếu.

Bối cảnh

Các hệ thống chứng nhận năng lực AMS được liên kết hoặc được bao gồm trong mỗi hệ thống trình độ và khung trình độ quốc gia của AMS. Mặc dù các hệ thống chứng nhận năng lực AMS trong các Nguyên tắc này liên quan cụ thể đến các cơ cấu khu vực công, nhưng nó không ngăn cản các cấu trúc khu vực tư nhân (ví dụ: các doanh nghiệp) tham gia vào các quy trình công nhận.

Đối với AMS không có khung trình độ quốc gia, họ đã thừa nhận các hệ thống chứng nhận năng lực này có vai trò rõ ràng trong việc phát triển nguồn nhân lực của mỗi AMS. Đối với những hệ thống này, các yêu cầu bối cảnh hóa cần thực hiện để có thể tham gia vào quy trình tham chiếu, như:

- Đối với khung kỹ năng, có bộ mô tả bậc nào nêu rõ sự phức tạp của kỹ năng và kiến thức không?
- Các khung chứng nhận có dựa trên chuẩn đầu ra không?
- Có một hay nhiều hơn một cơ quan có thẩm quyền giám sát hệ thống chứng nhận năng lực không? Nếu có nhiều hơn một cơ quan có thẩm quyền, ai sẽ chủ trì quá trình?
- Có một hệ thống bảo đảm chất lượng đã được thực hiện và văn bản hóa rõ ràng để hiểu đối với các bên liên quan không?
- Có thể thiết lập một liên kết giữa khung kỹ năng và NQF không?

Hướng dẫn tham chiếu AQRF (dự thảo 2015) chỉ ra một số điều kiện tiên quyết quan trọng cần được mỗi quốc gia thành viên xem xét trước khi tiến hành quy trình tham chiếu chính thức, bao gồm:

- Ở mỗi quốc gia AQRF được coi là sự tăng cường hợp tác trong khu vực; có một quá trình đang được tiến hành để phổ biến và kiểm tra nhận thức và (hoặc nói cách khác) giá trị của AQRF.
- Tiến hành xây dựng năng lực liên quan đến việc hiểu và sử dụng AQRF, bao gồm việc lập nên một công thông tin chính thức và một cấp độ tham vấn với các cơ quan và đơn vị khác nhau.

- Thiết lập cơ cấu quản trị và quản lý tại chỗ; điều này bao gồm việc xác định trách nhiệm tham chiếu và thành lập các ủy ban có thẩm quyền.
- Bảo đảm chất lượng trong hệ thống trình độ được thực hiện hiệu quả, xem xét các hệ thống bảo đảm chất lượng hiện tại để bao hàm việc sử dụng chuẩn đầu ra và NQF.
- Bảo đảm việc liên kết với các bối cảnh bảo đảm chất lượng rõ ràng; xem xét cách thức các hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia, ví dụ, về các tiêu chuẩn đối với việc thiết kế chương trình, giao diện với các nguyên tắc và cấu trúc AQRF như thế nào.
- Nâng cao nhận thức về các dự án được liên kết, ví dụ, cần phân chia và hiểu rõ giữa MRA và các những điều chỉnh khác cùng với việc hiểu biết sự phụ thuộc lẫn nhau giữa AQRF với các dự án có liên quan.

Các cơ quan có thẩm quyền sẽ cần xem xét cách lồng ghép chúng vào quy trình tham chiếu chính thức để mang lại mức độ công nhận và lợi ích lớn nhất cho khách hàng của họ.

Làm thế nào để các Hướng dẫn này kết nối với AQRF và việc hài hòa hóa?

Một quốc gia hoặc khu vực sử dụng một loạt các chiến lược nhằm tạo điều kiện cho việc công nhận các kỹ năng để có thể di chuyển lao động và sinh viên. Chính sự pha trộn các chiến lược này đã mang lại sự tin cậy trong các quyết định của các nhà cung cấp dịch vụ đánh giá.

1. AQRF, các hoạt động tham chiếu và báo cáo quốc gia cung cấp các bước ban đầu để xây dựng niềm tin với AMS. Một báo cáo tham chiếu AMS bao gồm thông tin quốc gia về NQF hoặc khung trình độ giáo dục, liên kết các bậc của NQF và các bậc AQRF đồng thời mang lại một cái nhìn tổng quan về sự tổ chức bảo đảm chất lượng so với chuẩn so sánh đã thống nhất. Các cơ quan có thẩm quyền, cơ sở đào tạo và người sử dụng lao động nếu quan tâm có thể sử dụng thông tin này để truyền tải tốt hơn về các hoạt động công nhận của họ.
2. AMS cũng đang xây dựng các thỏa thuận công nhận lẫn nhau cho các ngành nghề và kỹ năng khác nhau. Thỏa thuận này bao gồm các tiêu chuẩn nghề nghiệp trong khu vực để AMS sử dụng như một điểm tham chiếu giúp xây dựng các tiêu chuẩn năng lực và trình độ. MRA cung cấp khả năng so sánh các tiêu chuẩn năng lực được sử dụng trong mỗi AMS và các chương trình học tập liên quan (ví dụ: trình độ).
3. Những Hướng dẫn này là cơ sở giúp các cơ quan có thẩm quyền hiểu rõ về bảo đảm chất lượng. Đồng thời, giúp phác thảo các nguyên tắc và quy trình dành cho các cơ quan có thẩm quyền và các nhà cung cấp dịch vụ đánh giá. Các Hướng dẫn này yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của AMS thực hiện việc đánh giá bên trong và bên ngoài và bảo đảm chất lượng dịch vụ đánh giá thông qua các nhà cung cấp của họ.

Với việc áp dụng các chiến lược này đồng thời công khai thông tin, các cơ quan có thẩm quyền, cơ sở đào tạo và người sử dụng lao động sẽ có niềm tin lớn hơn đối với các quyết định công nhận được đưa ra.

Phụ lục: Khung bảo đảm chất lượng quốc tế

Tiêu chí tham chiếu AQRF 6 cho biết (các) hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia cho giáo dục và đào tạo phải tham chiếu khung hoặc hệ thống trình độ quốc gia đã mô tả. Báo cáo tham chiếu cần giải thích các hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia chính được áp dụng trong hệ thống giáo dục, đào tạo và trình độ. Khung AQRF này đề xuất ba khung bảo đảm chất lượng có thể được sử dụng làm tiêu chuẩn so sánh trong quy trình tham chiếu:

- **Hướng dẫn INQAAHE về thực tiễn tốt trong bảo đảm chất lượng**
- **Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị thượng đỉnh Đông Á**
- **Khung bảo đảm chất lượng ASEAN.**

Hướng dẫn INQAAHE về thực tiễn tốt trong bảo đảm chất lượng

Hướng dẫn INQAAHE nhằm mục đích thúc đẩy thực tiễn tốt dành cho hoạt động bảo đảm chất lượng nội bộ và/hoặc bên ngoài. Khung này được thiết kế để tất cả các cơ quan bảo đảm chất lượng sử dụng. Hướng dẫn INQAAHE tập trung vào vai trò của các cơ quan bảo đảm chất lượng bên ngoài (EQAA). Khung này đề cập đến các lĩnh vực sau:

- EQAA: trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, và nguồn lực
 - o Quản lý
 - o Nguồn lực
 - o Bảo đảm chất lượng EQAA
 - o Báo cáo thông tin công khai.
- Các cơ sở giáo dục đại học và EQAA: mối quan hệ, tiêu chuẩn, và đánh giá nội bộ
 - o Mối quan hệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và EQAA
 - o Yêu cầu của EQAA đối với hoạt động của chương trình/cơ sở đào tạo
 - o Yêu cầu của EQAA đối với hoạt động tự đánh giá cơ sở đào tạo và báo cáo cho EQAA
- Thanh tra cơ sở đào tạo EQAA: đánh giá, quyết định, và khiếu nại
 - o Đánh giá cơ sở đào tạo và/hoặc chương trình của EQAA
 - o Quyết định
 - o Khiếu nại
 - o Hoạt động đối ngoại: phối hợp với các cơ quan khác và giáo dục xuyên quốc gia/xuyên biên giới
 - o Hợp tác
 - o Giáo dục đại học xuyên quốc gia/xuyên biên giới.

Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị thượng đỉnh Đông Á

Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị thượng đỉnh Đông Á đóng vai trò là khung tham chiếu chung về bảo đảm chất lượng. Khung này không thay thế hoặc định hình cho các hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia mà thay vào đó, khung nhằm mục đích hỗ trợ và hướng dẫn các sáng kiến liên quan đến bảo đảm chất lượng ở cấp cơ quan quốc gia.

Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á được củng cố bởi năm nguyên tắc chính sau đây:

- Minh bạch
- Trách nhiệm giải trình
- Tiếp cận cải tiến liên tục
- Linh hoạt và đáp ứng
- Nguyên tắc về tính tương đồng

Tiêu chuẩn chất lượng của Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á hoạt động ở hai cấp độ và có các yêu cầu dành cho cơ quan và yêu cầu khuyến nghị dành cho nhà cung cấp. Khung này bao gồm:

- Tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng dành cho cơ quan
- Tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng mẫu dành cho nhà cung cấp

Cả hai tiêu chuẩn chất lượng dành cho cơ quan và dành cho nhà cung cấp được mô tả trên các khía cạnh:

- Quản trị
- Phê chuẩn và giám sát nhà cung cấp, và
- Phê chuẩn và giám sát các tiêu chuẩn thành tích, ví dụ, các khung chứng nhận, trình độ

Khung này cũng bao gồm các chỉ số chất lượng để hỗ trợ cho quy trình đánh giá và cải tiến liên tục của các cơ quan và nhà cung cấp. Các chỉ số này có thể được sử dụng để đánh giá hoạt động GDNN của một quốc gia ở cả cấp quốc gia và cấp cơ sở.

Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á đưa ra các yêu cầu về chỉ số chất lượng như sau:

Bảng 7: Các chỉ số chất lượng của Khung bảo đảm chất lượng GDNN của Hội nghị cấp cao Đông Á

Khía cạnh				
	Bối cảnh	Đầu vào	Quy trình	Đầu ra/Sản phẩm
Chủ đề	C.1 Đặc điểm người học	I.1 Các nguồn lực và hỗ trợ học tập	P.1 Đào tạo và đánh giá	0.1 Sự tiến bộ và kết quả học tập của người học
	C.2 Đặc điểm nhà cung cấp	I.2 Thiết kế chương trình và xây dựng chương trình đào tạo		0.2 Tính tương đồng trong các tiêu chuẩn thành tích
	C.3 Lộ trình học tập của người học	I.3 Chất lượng của đội ngũ giảng dạy		0.3 Điểm đến sau tốt nghiệp
	C.4 Công nhận kết quả học tập trước đó trong mọi bối cảnh			0.4 Mức độ hài lòng của bên liên quan
	C.5 Các tác động đến thị trường lao động			

Nguồn: EAS TVET QAF 2012

Khung bảo đảm chất lượng ASEAN

Khung bảo đảm chất lượng ASEAN đóng vai trò như một điểm tham chiếu chung cho các cơ quan và tổ chức bảo đảm chất lượng khi hướng tới sự hài hòa giữa sự đa dạng của các hệ thống bảo đảm chất lượng, nền văn hóa và truyền thống trong khu vực.

Khung sử dụng các nguyên tắc và thuyết minh chung về thực tiễn tốt. Khung này không đề ra quy tắc; mục đích của khung là đề thúc đẩy các thực tiễn tốt trong hoạt động bảo đảm chất lượng nội bộ và bên ngoài.

Khung này dựa trên bốn trụ cột:

1. Các cơ quan bảo đảm chất lượng bên ngoài (EQAA)
2. Các quy trình bảo đảm chất lượng bên ngoài (EQA)
3. Bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục
4. Khung trình độ quốc gia

Các trụ cột này được trình bày chi tiết hơn trong phần tiêu chí.

Tài liệu tham khảo

ASEAN (2007), *ASEAN Economic Community Blueprint*, accessed in August 2015 via <http://www.asean.org/archive/5187-10.pdf>

ASEAN (2007), *Charter of the Association of Southeast Asian Nations*

ASEAN *Qualifications Reference Framework* (2015), ASEAN Secretariat, Jakarta.

ASEAN *Qualifications Reference Framework Referencing Guidelines* (draft 2015), ASEAN Secretariat, Jakarta.

Australian Government 2007, *Building Better Governance*, Commonwealth of Australia, Canberra.

Australian/New Zealand Standard (AS/NZS) *ISO 9000:2006: Quality Management Systems—Fundamentals and vocabulary*, June 2006.

Bateman, A & Coles, M 2015, *ASEAN Qualifications Reference Framework and National Qualifications Frameworks: State of Play*, SHARE-ASEAN Secretariat, Jakarta.

Bateman, A, Keating, J, Gillis, S, Dyson, C, Burke, G & Coles, M (2012), *Concept Paper: East Asia Summit Vocational Education and Training Quality Assurance Framework, Volume II*, Australian Government, Canberra.

CEDEFOP (2011), *Glossary: Quality in education and training*, Office of the European Union, Luxembourg.

Coles, M, Keevy, J, Bateman, A and Keating, J. (2014), 'Flying Blind: policy rationales for national qualifications frameworks and how they tend to evolve', *International Journal of Continuing Education and Lifelong Learning*, Volume 7, Issue 1 (2014).

Coles, M. and Werquin, P. (2006), *Qualification System: Bridges to lifelong learning*, OECD, Paris.

Gillis, S & Bateman, A (2015), *The Code of Professional Practice for Assessment Quality Management*, Australian Government, Canberra.

INQAAHE *Guidelines of Good Practice in Quality Assurance* (2007), INQAAHE Secretariat.

International Labour Office (2016), *Updated guidelines for development of Regional Model Competency Standards*, ILO Office, Geneva.

ISO/IEC 17024:2012, Conformity assessment – General requirements for bodies operating certification of persons, ISO, Switzerland.

Principles and Statements of ASEAN Quality Assurance Framework (draft 2015) ASEAN Secretariat, Jakarta.

UNESCO (2012), *Asia-Pacific Regional Convention on the Recognition of Qualifications in Higher Education*, UNESCO Bangkok.

World Bank Group (draft 2015), *NQFs and competency standards in the East Asia-Pacific region: Synthesis report*, World Bank Group, Washington.

Các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia thành viên ASEAN

Brunei

Bộ Giáo dục - <http://moe.gov.bn/bdnac>

Cam-pu-chia

Ban đào tạo quốc tế - <http://www.ntb.gov.kh/>

In-đô-nê-xi-a

Cục Chứng nhận Chuyên nghiệp In-đô-nê-xi-a / Badan Nasional Sertifikasi Profesi (BNSP)
www.bnsp.go.id

Bộ Nhân lực (điều phối hoạt động xây dựng tiêu chuẩn về năng lực quốc gia)
www.naker.go.id

Lào

Vụ phát triển kỹ năng và việc làm (DoSDE)

Bộ Lao động và Phúc lợi xã hội CHDCND Lào - www.molsw.gov.la/

Ma-lay-xi-a

Cơ quan Trình độ Ma-lay-xi-a (MQA) - www.mqa.gov.my

Vụ phát triển kỹ năng Ma-lay-xi-a (DSD) - www.dsd.gov.my

Mi-an-ma

Cơ quan tiêu chuẩn kỹ năng quốc gia - www.nesdmyanmar.org

Phi-líp-pin

Cơ quan Phát triển kỹ năng và giáo dục kỹ thuật (TESDA) - <http://www.tesda.gov.ph/>

Singapore

Bộ Giáo dục Singapore - www.moe.gov.sg

Thái Lan

Cục Phát triển kỹ năng - www.dsd.go.th

Việt Nam

Vụ Kỹ năng nghề, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. -
<http://www.molisa.gov.vn/en/Pages/Home.aspx>

ASSOCIATION OF SOUTHEAST ASIAN NATIONS



@ASEAN



ASEAN



ASEAN



www.asean.org